

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGÔ THÀNH TÂM

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO,
TỤC NGŨ TỈNH KHÁNH HÒA

LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

2014 | PDF | 93 Pages
buihuuhanh@gmail.com

Đà Nẵng – Năm 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGÔ THÀNH TÂM

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO,
TỤC NGỮ TỈNH KHÁNH HÒA**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60.22.80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lê Hữu Ái

Đà Nẵng – Năm 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Ngô Thành Tâm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
3. Câu hỏi hay giả thuyết nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	2
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	3
7. Tổng quan tài liệu	3
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG	6
1.1. QUAN NIỆM VỀ TRIẾT LÝ VÀ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ	6
1.1.1. Quan niệm về triết lý.....	6
1.1.2. Triết lý trong ca dao, tục ngữ	6
1.2. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CỦA CA DAO, TỤC NGŨ	7
1.2.1. Khái niệm ca dao, tục ngữ	7
1.2.2. Nội dung của ca dao, tục ngữ.....	9
1.2.3. Hình thức nghệ thuật.....	14
CHƯƠNG 2: TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ TỈNH KHÁNH HÒA.....	17
2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ - XÃ HỘI CỦA TỈNH KHÁNH HÒA	17
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	17
2.1.2. Lịch sử, văn hóa, xã hội	24
2.2. NHỮNG GIÁ TRỊ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ CỦA	

TỈNH KHÁNH HÒA	26
2.2.1. Triết lý về thế giới quan	26
2.2.2. Triết lý về nhân sinh quan.....	34
2.2.3. Triết lý về đời sống kinh tế, chính trị, xã hội.....	39
2.2.4. Triết lý về văn hóa và các giá trị văn hóa	42
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY	
CÁC GIÁ TRỊ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ CỦA TỈNH	
KHÁNH HÒA.....	54
3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH GIẢI PHÁP	54
3.1.1. Cơ sở lý luận	54
3.1.2. Cơ sở thực tiễn.....	63
3.2. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ.....	74
3.2.1. Giải pháp.....	74
3.2.2. Kiến nghị.....	81
KẾT LUẬN	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo Nghị quyết số 03 - NQ/TW ngày 16/7/1998 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã đề cập đến định hướng phát triển nền văn hóa Việt Nam như sau: Bên cạnh việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hết sức coi trọng, bảo tồn, kế thừa và phát huy những giá trị văn học truyền thống, văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể” [11, tr.24 - 28]

Nghị quyết đã nhấn mạnh đến việc kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống để xây dựng nền văn hóa mới. Trong kho tàng văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, ca dao, tục ngữ giữ một vị trí quan trọng và có sức ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nền văn hóa mới.

Tuy nhiên, hiện nay ca dao, tục ngữ của Việt Nam nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng ít được quan tâm khai thác. Nếu có nghiên cứu thì đó mới chỉ là những sự liệt kê theo chủ đề, mới chỉ bàn luận về mặt tích cực và tiêu cực, kinh nghiệm của ca dao, tục ngữ. Các công trình nghiên cứu về ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa chưa đi sâu vào vấn đề triết lý như là sự thể hiện tư duy của ông cha ta ngày trước về vũ trụ, con người, cách thức tác động của con người vào tự nhiên sao cho có hiệu quả, mối quan hệ con người với con người, con người với tự nhiên. Tất cả những luận giải đó mặc dù bằng ngôn ngữ dân gian nhưng ẩn chứa tính triết lý sâu sắc, có giá trị to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước trong tình hình hiện nay.

Vì những lí do như trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: **“Một số vấn đề triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa”** làm đề tài luận văn thạc sĩ Triết học.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Trên cơ sở phân tích tính triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa về các vấn đề: thế giới quan, nhân sinh quan của người dân tỉnh Khánh Hòa, luận văn khẳng định những giá trị về văn hóa và xây dựng các giải pháp nhằm kế thừa, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống ở tỉnh Khánh Hòa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục tiêu trên, luận văn thực hiện các nhiệm vụ:

- Thứ nhất, phân tích những đặc trưng của ca dao, tục ngữ.
- Thứ hai, phân tích tính triết lý trong ca dao, tục ngữ của tỉnh Khánh Hòa trong lĩnh vực thế giới quan, nhân sinh quan.
- Thứ ba, xây dựng các giải pháp để giữ gìn, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống.

3. Câu hỏi hay giả thuyết nghiên cứu

Để đạt được mục đích đã nêu trên, luận văn phải làm rõ:

- Quan niệm về triết lý và triết lý trong ca dao, tục ngữ
- Khái niệm, nội dung và hình thức nghệ thuật của ca dao, tục ngữ
- Tính triết lý trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là làm rõ tính triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa.

Phạm vi nghiên cứu: đề tài chỉ tập trung trong nội dung những câu ca dao, tục ngữ của tỉnh Khánh Hòa .

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn dựa trên cơ sở những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin

về thế giới quan, nhân sinh quan, về những đặc trưng và chức năng của văn học nghệ thuật. Bên cạnh đó, luận văn còn kế thừa những đóng góp các công trình của các nhà khoa học trong và ngoài nước có nội dung liên quan.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp: Hệ thống hóa, trừu tượng hóa, phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử và lôgic,...

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Luận văn đề cập đến triết lý trong ca dao, tục ngữ ở tỉnh Khánh Hòa, trên cơ sở đó góp phần làm rõ những quan niệm của con người Khánh Hòa về thế giới quan và nhân sinh quan được thể hiện trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa.

- Luận văn là tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập về hình thái ý thức văn hóa, nghệ thuật.

- Là cơ sở khoa học cho các cơ quan quản lý và bảo tồn nhằm xây dựng các giải pháp để gìn giữ các giá trị văn hóa ở tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn hiện nay.

7. Tổng quan tài liệu

Đề tài mà tôi nghiên cứu tiếp cận là vấn đề có tính chất đặc thù ở một địa phương là tỉnh Khánh Hòa nên chưa được nghiên cứu nhiều, phần lớn các công trình nghiên cứu ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa tập trung dưới góc độ văn hóa dân gian là chính.

Đề cập đến ca dao, tục ngữ, một số công trình có liên quan đến đề tài đó là: Trước hết, là công trình sưu tập, nghiên cứu của Đinh Gia Khánh (2000), "*Văn học dân gian Việt Nam*", Vũ Ngọc Phan (1995), "*Tục ngữ, ca dao Việt Nam*", Cao Huy Đình (1974), "*Tìm hiểu tiến trình văn hóa dân gian Việt Nam*". Ba quyển sách nói trên, các tác giả đã làm rõ khái niệm, nội dung

và các hình thức nghệ thuật của ca dao, tục ngữ Việt Nam nói chung. Tác giả còn làm rõ mối quan hệ giữa ca dao, tục ngữ với các thể loại văn học dân gian khác.

Công trình sưu tập ca dao, tục ngữ công phu nhất, có nội dung phong phú là bộ sách *“Tục ngữ phong dao”* của Nguyễn Văn Ngọc, xuất bản lần đầu vào năm 1928, tập 1 của bộ sách này giới thiệu khoảng 6500 câu tục ngữ của các vùng miền Bắc, Trung, Nam cho đến nay vẫn được coi là một trong những công trình sưu tập tục ngữ Việt Nam có quy mô lớn. Tuy vậy công trình này vẫn chỉ dừng lại ở việc sưu tầm thuần túy những câu ca dao, tục ngữ.

Gần với đề tài là công trình nghiên cứu của: Trần Việt Kinh, Nguyễn Chí Trang, Hà Nam Tiến (1982) *“Thơ ca dân gian Phú Khánh”*, công ty Văn hoá Phú Khánh. Các tác giả đã trình bày những nội dung phản ánh của ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên về tình yêu quê hương đất nước, ca dao, tục ngữ về tình cảm đôi lứa, ca dao, tục ngữ về quan hệ hôn nhân - gia đình.

Cùng đề cập đến con người Khánh Hòa có các công trình: *“Khánh Hoà diện mạo văn hoá một vùng đất”*. Tạp chí Văn hoá Thông tin Khánh Hoà, 1998. *“Đất nước con người Khánh Hoà”* của tác giả Trần Việt Kinh, Trung tâm Thông tin Cổ động Khánh Hoà xuất bản 1989. Hai công trình nghiên cứu trên chủ yếu đề cập đến điều kiện tự nhiên của Khánh Hòa từ đó đi sâu vào đặc điểm văn hóa riêng biệt của người dân Khánh Hòa thông qua các lễ hội, phong tục tập quán của người dân Khánh Hòa. Hai công trình trên chưa đề cập đến tính triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa.

Luận văn đã nghiên cứu liên quan đến đề tài này là: Lương Thị Lan Huệ (2004), *“Một số vấn đề triết học qua ca dao, tục ngữ Việt Nam”*. Tác giả đã trình bày những tư tưởng triết học được thể hiện trong ca dao, tục ngữ Việt Nam như: Tư tưởng triết học biểu hiện qua mối quan hệ giữa con người với

thế giới tự nhiên và mối quan hệ giữa con người với xã hội. Tác giả cũng đã rút ra một số nhận xét về ca dao, tục ngữ Việt Nam, nêu ý nghĩa triết học của ca dao, tục ngữ trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

Một luận văn khác cũng đề cập đến ca dao, tục ngữ là: Cao Thị Hoa (2011) "*Triết lý nhân sinh trong ca dao, tục ngữ Thừa Thiên Huế*". Tác giả đã trình bày những tư tưởng triết học được thể hiện trong ca dao, tục ngữ Thừa Thiên Huế. Luận văn chủ yếu nhấn mạnh đến triết lý nhân sinh như: Tư tưởng triết học biểu hiện qua mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên và mối quan hệ giữa con người với xã hội. Tác giả cũng đã rút ra một số nhận xét ban đầu về ca dao, tục ngữ Thừa Thiên Huế.

Như vậy, các công trình nghiên cứu trên đã đi sâu và làm sáng tỏ những vấn đề về ca dao, tục ngữ của Việt Nam nói chung cũng như ca dao, tục ngữ và văn hóa của tỉnh Khánh nói riêng. Các công trình trên mới chỉ dừng lại ở sự liệt kê các lĩnh vực mà ca dao, tục ngữ phản ánh. Một số luận văn có đề cập đến triết lý trong ca dao, tục ngữ nhưng mới chỉ dừng lại ở ca dao, tục ngữ cả nước nói chung hoặc mới chỉ đề cập đến triết lý trong ca dao, tục ngữ của một số địa phương. Trên cơ sở kế thừa và tiếp thu có chọn lọc các nguồn tài liệu liên quan đến đề tài, tôi đi sâu nghiên cứu tính triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1.1. QUAN NIỆM VỀ TRIẾT LÝ VÀ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGỮ

1.1.1. Quan niệm về triết lý

Triết lý là những quan điểm, quan niệm được con người rút ra từ thực tiễn cuộc sống của mình có tác dụng chỉ dẫn, định hướng cho hành động của con người.

Khác với triết học, triết lý mang đậm dấu ấn của cộng đồng người, triết lý được rút ra từ những trải nghiệm của cuộc sống. Trải nghiệm càng sâu, càng rộng thì tính triết lý càng cao.

Triết lý thường được phát biểu ngắn gọn, xúc tích. Triết lý có sức mạnh định hướng cho cách đối nhân xử thế, cho hành động hay lối sống của một cá nhân hay một cộng đồng.

Triết lý thường phù hợp với những phạm trù: Chân lý, đạo đức, lẽ phải. Triết lý mang tính giáo dục cao bởi tính đúng đắn và kinh nghiệm từ thực tiễn.

Triết lý có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn tới mọi mặt của đời sống con người như: triết lý sống, triết lý marketing... Trong giới hạn của đề tài chỉ đề cập đến triết lý dân gian được thể hiện qua ca dao, tục ngữ của tỉnh Khánh Hòa.

1.1.2. Triết lý trong ca dao, tục ngữ

Vì triết lý trong ca dao, tục ngữ là triết lý dân gian nên bao gồm tất cả các vấn đề có ý nghĩa chung nhất của vũ trụ quan và nhân sinh quan, cả những vấn đề nhỏ nhặt nhất của cuộc sống. Triết lý trong ca dao, tục ngữ có thể đúng với dân tộc này nhưng không đúng với dân tộc khác, có thể đúng với vùng đất này nhưng không đúng với vùng đất khác như câu: “Thọ ty Nam

son, phúc như Đông hải" chỉ có ở Trung Quốc chứ không có ở Việt Nam, hoặc "Thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn. Thuận bè, thuận bạn tát cạn biển Đông" thì chỉ có ở Việt Nam chứ không có ở quốc gia nào khác.

Triết lý trong ca dao, tục ngữ có đặc điểm chung là vừa mô tả vừa khái quát thành những kinh nghiệm sống, lao động sản xuất, dự báo thời tiết, răn dạy con người. Nó tồn tại trong cuộc sống hàng ngày của mỗi con người cho nên người đọc không bị chán mà còn cuốn hút bởi những triết lý đó.

Hơn nữa, triết lý ca dao, tục ngữ có cách diễn đạt rất linh hoạt, uyển chuyển, ngôn ngữ giản dị, gần gũi, thậm chí có cả những bài hát, những từ ngữ của địa phương nên luôn có yếu tố mới lạ gây nên sự tò mò, chú ý cho người đọc. Cũng chính điều này làm nên sức sống mãnh liệt của ca dao, tục ngữ.

Chính vì những lý do như trên nên chúng ta có thể nghiên cứu tính triết lý trong tục ngữ, ca dao theo nhiều phương diện khác nhau: Vũ trụ quan, nhân sinh quan, kinh nghiệm trong đời sống và lao động,...

1.2. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT CỦA CA DAO, TỤC NGỮ

1.2.1. Khái niệm ca dao, tục ngữ

Theo từ điển Bách Khoa Việt Nam, tập 1, trang 303, Hà Nội, 1995, thì "ca dao thường là những câu thơ, bài hát dân gian có ý nghĩa khái quát, phản ánh đời sống, phong tục, đạo đức hoặc mang tính chất trữ tình, đặc biệt là tình yêu nam nữ".

Ca dao thường là những câu thơ có thể hát thành những làn điệu dân ca, hoặc ca dao là lời dân ca đã lược bỏ đi những luyến láy khi hát. Ca dao để lại dấu vết rõ rệt nhất trong ngôn ngữ văn học.

Về cơ bản thì ca dao là một thể loại trữ tình của văn học dân gian. Những tác phẩm trong thể loại này dù nói lên mối quan hệ giữa con người với

nhau trong lao động, trong sinh hoạt gia đình và xã hội, hoặc nói lên những kinh nghiệm sống thì bao giờ cũng bộc lộ thái độ chủ quan chứ không phải miêu tả một cách khách quan những hiện tượng, những vấn đề. Cho nên trong ca dao, cái tôi trữ tình nổi lên một cách rõ nét. Cũng như tục ngữ và các thể loại văn học dân gian khác, ca dao là tấm gương phản chiếu trung thực về cuộc sống muôn màu, muôn vẻ của nhân dân. Đó là tinh thần lạc quan trong khó khăn, là tinh thần tương thân tương ái giữa những con người lương thiện, đó còn là nhận thức sắc bén về bạn, về thù, về chính nghĩa.

Tục ngữ là những câu nói đúc kết kinh nghiệm của dân gian về mọi mặt như: tự nhiên, lao động sản xuất và xã hội, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói và khuyên răn.

Cũng theo từ điển Bách Khoa Việt Nam, tập 4, trang 676, Hà Nội, 2005, thì tục ngữ là “một bộ phận của văn học dân gian, gồm những câu ngắn gọn, có vần điệu, đúc kết tri thức, kinh nghiệm sống, đạo đức thực tiễn của người dân”.

Bằng những câu nói ngắn, gọn, súc tích, tục ngữ diễn đạt rất hoàn hảo toàn bộ kinh nghiệm đời sống, kinh nghiệm xã hội - lịch sử của nhân dân lao động. Tục ngữ cung cấp cho ngôn ngữ bình dân cũng như ngôn ngữ bác học một hình thức biểu hiện giàu hình ảnh và do đó có tác dụng truyền cảm và thuyết phục mạnh mẽ, để nói lên những tư tưởng thẳng thắn, những khái quát rộng rãi. Những câu tục ngữ ngắn gọn ấy sẽ thay thế một cách có kết quả những lời thuyết lý dài dòng và dễ quên. Tục ngữ là tri thức thông thường của nhân dân lao động về tự nhiên và xã hội, biểu hiện trí tuệ của nhân dân trong việc nhận thức thế giới, xã hội và con người, nên thường được ví von là “trí khôn dân gian”. Trí khôn đó rất phong phú và đa dạng, được nhân dân vận dụng trong đời sống sinh hoạt, giao tiếp cộng đồng và xã hội như lời ăn tiếng nói và khuyên răn, bộc lộ một cách sâu sắc kinh nghiệm sống, lối sống, tư

tưởng đạo đức, qua đó thể hiện thái độ ứng xử và tình cảm của nhân dân đối với những vấn đề của cuộc sống.

1.2.2. Nội dung của ca dao, tục ngữ

Nội dung của ca dao khá phong phú, đa dạng. Ca dao phản ánh lịch sử, miêu tả khá chi tiết phong tục tập quán trong sinh hoạt vật chất và tinh thần của người dân lao động, bộc lộ tâm hồn dân tộc trong đời sống riêng tư, đời sống gia đình và đời sống xã hội, qua đó thấy được đức tính cần cù, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, những phẩm chất tốt đẹp của người dân trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, trong đấu tranh xã hội để vươn lên giành lấy hạnh phúc.

Có những câu ca dao do nội dung lịch sử của nó, thường gọi là ca dao lịch sử, phản ánh những sự kiện của lịch sử dân tộc, liên quan đến đời sống của nhân dân, qua đó nhân dân nói lên thái độ, quan điểm của mình. Chẳng hạn, về lòng hăng hái đua nhau giết giặc của binh sĩ ta ở trận Bạch Đằng ca dao miêu tả như sau:

Đánh giặc thì đánh giữa sông

Chớ đánh trong cạn, phải chông mà chìm

Những bài ca dao mang nội dung đấu tranh chống áp bức của chế độ phong kiến, chống quân xâm lược, đã vạch trần những cái xấu, những tội ác mà chế độ phong kiến đế quốc gây ra cho nhân dân ta, thể hiện lòng căm thù sâu sắc của nhân dân, cùng những ý nghĩ, những lời nói oán hờn, căm giận, ấp ủ lâu ngày đã biến thành hành động, những cuộc khởi nghĩa của nông dân đã diễn ra.

Con vua thì lại làm vua

Con sãi ở chùa thì quyết lá đa

Bao giờ dân nổi can qua

Con vua thất thế lại ra quyết chùa

Cùng với những bài ca dao mang nội dung trên là những bài ca dao đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực, cụ thể là đả kích, chế giễu thói mê tín dị đoan, chống lại những hủ tục hôn nhân cùng những thói hư tật xấu như: cờ bạc, rượu chè, nhác làm siêng ăn, tham lam, ích kỷ. Ở đây ca dao đã thể hiện tính chiến đấu rất cao:

- Cửa bụt mắt một đèn mười
Bụt vẫn còn cười bụt chưa lấy cho

Ca dao còn là tiếng hát trữ tình của con người. Đó là tiếng gọi của tình yêu, là tiếng than thở của người phụ nữ đau khổ nhưng giàu tình thần hi sinh và đấu tranh dũng cảm trong quan hệ gia đình, của người lính và vợ của người lính trong cuộc sống lao động và đấu tranh. Tình yêu của người lao động được biểu hiện trong ca dao về nhiều mặt, đó là tình yêu giữa đôi bên trai gái, yêu thiên nhiên, yêu gia đình, yêu xóm làng, yêu đồng ruộng, yêu đất nước.

Về tình yêu quê hương đất nước, mong muốn xây đắp cho cảnh vật của tổ quốc được thêm hùng tráng:

Ta về ta dựng mây lên
Trời xe mây lại một bên hòn Lèn

Phong phú nhất, đặc sắc nhất là mảng ca dao về tình yêu nam nữ. Trai gái gặp gỡ tìm hiểu nhau, thổ lộ tình cảm với nhau trong khi lao động, hội hè, đình đám, vui xuân:

- Đôi ta bắt gặp nhau đây
Như con bò gầy gặp bãi cỏ hoang
- Em ơi chua ngọt đã từng
Non xanh nước bạc, ta đừng quên nhau
- Đôi ta như thể con tằm
Cùng ăn một lá cùng nằm một
Đôi ta như thể con ong

Con quán con quýt, con trong con ngoài

Về tình yêu thiên nhiên:

Rủ nhau đi tắm hồ sen

Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình

Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh

Thôn quê vẫn cứ hữu tình xưa nay

Nội dung của những câu ca dao trên phản ánh được mọi biểu hiện sắc thái, cung bậc của tình yêu, thể hiện quan niệm tự do trong yêu đương, tự do hôn nhân. Những tình cảm thắm thiết trong hoàn cảnh may mắn hạnh phúc với những niềm mơ ước, những nỗi nhớ nhung da diết hoặc cảm xúc nảy sinh từ những rủi ro ngang trái, thất bại, khổ đau với những lời than thở oán trách, nói lên tinh thần đấu tranh để bảo vệ tình yêu chân chính của những người nông dân áo vải Việt Nam.

Ca dao trữ tình về tình yêu nam nữ đã kết hợp chặt chẽ chủ đề tình yêu với chủ đề lao động, những nét sinh hoạt, những cảnh vật quen thuộc trong đời sống hằng ngày của nhân dân. Sự kết hợp giữa các chủ đề đó làm cho ca dao không chỉ phản ánh quan hệ nam nữ trong khuôn khổ tình cảm cá nhân, mà còn có nội dung xã hội phong phú và tính tư tưởng cao.

Một bộ phận quan trọng của ca dao là nhận định về con người và về việc đời như là sự tổng kết các kinh nghiệm, triết lý, quan niệm đạo đức, là cách ứng xử của nhân dân. Ca dao thể hiện rất cô đọng cho nên có nhiều bài rất ngắn, thậm chí chỉ một cặp lục bát mà vẫn nói lên sâu sắc về mặt cách sống và hành động:

Rượu nhạt uống lắm cũng say

Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm

Như vậy, nội dung ca dao chủ yếu thể hiện về tình yêu nam nữ, quan hệ gia đình, phản ánh lịch sử, mang nội dung đấu tranh chống áp bức của chế độ

phong kiến, chống quân xâm lược và các hiện tượng tiêu cực khác trong xã hội.

“Con ơi nhớ lấy câu này

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan”.

Nội dung của tục ngữ thường là những tri thức do đúc rút những kinh nghiệm từ đời sống, kinh nghiệm lịch sử - xã hội của nhân dân.

Về nội dung thì tục ngữ là những nhận định sau kinh nghiệm của con người về cuộc sống trong gia đình, cuộc sống trong xã hội, phản ánh quá trình lao động sản xuất, nói về các kinh nghiệm và kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt, làm ruộng. Nội dung ấy vừa phong phú, vừa vững chắc và khá sâu sắc vì nó được đúc kết qua nhiều thế hệ của con người.

Những kinh nghiệm làm mạ:

Cơm quanh rá, mạ quanh bờ

Kinh nghiệm cấy lúa:

Chiêm to tẻ, mùa nhỏ con

Kinh nghiệm chăm bón:

Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân

Hay khi nói về thời tiết khí hậu có những câu tục ngữ:

- Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa

- Cầu vồng mỏng cụt, không lụt thì bão

- Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng bay vừa thì râm

Phần quan trọng của tục ngữ là thường nói về lịch sử - xã hội, những quan niệm nhân sinh, tư tưởng chính trị và xã hội. Thí dụ một số câu tục ngữ ghi lại một vài ký ức về thời kỳ lịch sử xa xưa của dân tộc ta:

- Ăn lông ở lỗ

- Con đại cái mang

- Năm cha ba mẹ
- Chồng chung vợ chạ

Tục ngữ ghi lại những đặc điểm trong tổ chức và tập tục của thôn xã:

- Phép vua thua lệ làng
- Đất có lề, quê có thói
- Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp

Một số câu khác phản ánh tổ chức gia đình và những quan điểm thân tộc của nhân dân trong xã hội phong kiến:

- Thế gian một vợ một chồng, chẳng như vua bếp hai ông một bà
- Chết trẻ con hơn lấy già
- Sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì

Tục ngữ còn miêu tả đời sống của các giai cấp và các tầng lớp nhân dân khác nhau, chủ yếu là của nông dân lao động, và tình hình đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống áp bức bóc lột của nhân dân trong xã hội phong kiến:

- Con đống khó, bố cõi trần
- Cá lớn nuốt cá bé
- Tức nước vỡ bờ

Một số hiện tượng và nhân vật lịch sử cá biệt, một số biến đổi về kinh tế, chính trị ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, cũng được ghi lại trong một số câu tục ngữ:

- Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi
- Thời vua Thái Tổ, Thái Tông, con dất, con bông, con bé, con mang
- Một nhà hai chủ không hòa, hai vua một nước ắt là không yên

Tục ngữ phản ánh những tập tục sinh hoạt hằng ngày về mọi mặt như ăn, ở, mặc, giao tế, cưới xin, ma chay, hội hè, sinh hoạt tôn giáo:

- Lấy vợ đàn bà, làm nhà hướng nam

- Áo rách thay vai, quần rách đôi ống
- Miếng trầu là đầu câu chuyện
- Lệnh làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào, làng ấy thờ

Nhiều câu tục ngữ thể hiện tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa chân chính của nhân dân lao động, trước hết là tư tưởng quý trọng con người:

- Người ta là hoa của đất
- Người sống, đồng vàng

Nhiều câu tục ngữ phản ánh những nhận thức có tính chất duy vật của nhân dân về sự tồn tại khách quan của thế giới:

Còn da lông mọc, còn chồi lên cây

Từ những nội dung phản ánh trên của tục ngữ, chúng ta có thể thấy rằng tục ngữ được hình thành từ cuộc sống thực tiễn. Sự hình thành của tục ngữ có thể quy vào ba nguồn chính: Một bộ phận được hình thành trong đời sống của nhân dân. Một bộ phận khác rút ra, tách ra từ những sáng tác của các thể loại văn học dân gian (ca dao, truyện cổ tích, câu đố). Và một bộ phận những câu tục ngữ hình thành từ các tác phẩm văn học, các sáng tác của các nhà văn, nhà thơ, những lời phát biểu, phán đoán của các nhà triết gia

Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống;

Chuồn chuồn bay thấp thì mưa

Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm

Nội dung tục ngữ có hai nghĩa: Nghĩa đen và nghĩa bóng, và nghĩa bóng là thông báo chủ yếu của tục ngữ. Ví dụ câu: "Tre già măng mọc". Nghĩa đen của câu tục ngữ này nói về sự sinh trưởng, phát triển của cây tre, còn nghĩa bóng (nghĩa chính) nói về quy luật phát triển của xã hội, về sự tồn tại và phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong đời sống, từ thế hệ này đến thế hệ khác.

1.2.3. Hình thức nghệ thuật

Ca dao biểu hiện ra là những câu thơ có thể hát thành những làn điệu

dân ca. Với tính cách là thơ theo ý nghĩa đầy đủ của thơ, ca dao đã vận dụng mọi khả năng về ngôn ngữ của dân tộc để biểu hiện một cách chính xác, tinh tế cuộc sống và hơn nữa để biểu hiện một cách sinh động và đầy hình tượng nguyện vọng của nhân dân về cuộc sống ấy. Cho nên, thông qua việc sáng tác ca dao, nhân dân đã đưa ngôn ngữ văn học đạt đến trình độ nghệ thuật cao. Cảnh vật thiên nhiên, trạng thái xã hội, thể chất và tâm tình con người thể hiện qua ca dao với những hình tượng văn học, từ lâu đã trở thành truyền thống và nhiều khi có tính chất mẫu mực về mặt nghệ thuật.

Nói đến ca dao tức là nói đến thơ, về mặt hình thức, trước hết phải nói đến nhịp điệu, nhịp điệu giữ một vai trò hết sức quan trọng, nó luôn có tác dụng tạo cảm xúc, làm tăng thêm sức biểu đạt của thơ. Ca dao ngắt nhịp hai là phổ biến, nhưng nhiều trường hợp ca dao ngắt nhiều nhịp rất sáng tạo như để làm bật lên cái quyết tâm vượt lên mọi khó khăn của những con người muốn được xích lại gần nhau, được chung sống cùng nhau:

- Yêu nhau/ tam tứ núi/ cũng trèo/

Thất bát sông/ cũng lội/ tam thập lục đèo/ cũng qua/

Ca dao thường là những bài ngắn, âm điệu lưu loát. Đặc điểm của ca dao về phần hình thức là vẫn vừa sát lại vừa thanh thoát, không dò ép, lại giản dị và tươi tắn, nghe có vẻ như lời nói nhưng lại rất nhẹ nhàng, gọn gàng chải chuốt, miêu tả được những tình cảm sâu sắc. Dưới hình thức truyền khẩu, trải qua nhiều thế hệ, nội dung có chỉnh sửa, nhưng nó vẫn giữ được chủ đề tư tưởng và tính chất mộc mạc, không cầu kỳ.

Không giống với ca dao, tục ngữ về mặt hình thức nghệ thuật thường là độc lập vì nó là một câu và diễn đạt một ý trọn vẹn.

Tục ngữ nói chung được đúc kết lại thành lời nói dễ nhớ, mang tính chất bền vững. Tính chất bền vững của tục ngữ biểu hiện ra cả về mặt nội dung cũng như về mặt hình thức. Mỗi câu tục ngữ đều dùng hình ảnh, sự vật, hiện

tượng cụ thể để nói lên ý niệm trừu tượng, dùng cái cá biệt để nói lên cái phổ biến. Vì vậy ở mỗi câu tục ngữ thường có hai nghĩa: nghĩa đen và nghĩa bóng. Cái cụ thể, cái cá biệt tạo nên nghĩa đen, còn cái trừu tượng, phổ biến tạo nên nghĩa bóng. Hình ảnh trong tục ngữ là những hình ảnh từ cuộc sống phong phú nhiều màu, nhiều vẻ được nhân cách hóa rất linh hoạt và sinh động:

Đũa mốc chòi mâm son

Hầu hết các câu tục ngữ đều có vần, nhiều nhất là vần lưng nên nhịp điệu nhanh, mạnh, vững chắc:

- Được làm vua, thua làm giặc
- Gái một con trông mòn con mắt

Những câu không vần thường giữ được tính chất nhịp nhàng theo cách cấu tạo cân đối giữa các vế:

- Già néo đứt dây
- Vô quýt dày có móng tay nhọn

Cũng có những câu không vần, không đối nhưng vẫn giàu chất nhạc, chất hàm súc của thơ:

- Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết

KẾT LUẬN

Như vậy, cả ca dao và tục ngữ đều có giá trị nhất định về mặt trí tuệ, tình cảm và nghệ thuật biểu hiện. Do có đặc điểm về nội dung và hình thức nhất định cho nên chúng luôn giữ được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Vì vậy, việc nắm vững ca dao, tục ngữ sẽ giúp họ giàu thêm vốn sống cũng như ngôn ngữ của dân tộc, và do đó các sáng tác của họ sẽ tăng thêm sức sống, đậm đà màu sắc dân tộc và gần gũi với tâm hồn của quần chúng. Không chỉ dừng lại ở đó, ca dao, tục ngữ còn mang trong nó tính triết lý sâu sắc thể hiện những lý luận của cha ông về các vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan.

CHƯƠNG 2

TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ TỈNH KHÁNH HÒA

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ - XÃ HỘI CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Về vị trí địa lý: Khánh Hòa là một tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam. Giáp với tỉnh Phú Yên về hướng Bắc, tỉnh Đắk Lắk về hướng Tây Bắc, tỉnh Lâm Đồng về hướng Tây Nam, tỉnh Ninh Thuận về hướng Nam, và giáp với Biển Đông về hướng đông.

Trung tâm kinh tế - xã hội của Khánh Hòa là thành phố Nha Trang, cách Thành phố Hồ Chí Minh 447 km và cách thủ đô Hà Nội 1.278 km đường bộ.

Về đường bờ biển: Khánh Hòa là một trong những tỉnh có đường bờ biển dài và là một trong những đường bờ biển đẹp nhất Việt Nam. Đường bờ biển kéo dài từ xã Đại Lãnh tới cuối vịnh Cam Ranh, có độ dài khoảng 385 km tính theo mép nước với nhiều cửa lạch, đầm, vịnh, cùng khoảng 200 đảo lớn, nhỏ ven bờ và các đảo san hô của quần đảo Trường Sa. Khánh Hòa có nhiều vịnh và bãi biển đẹp. Trong đó nổi bật nhất là vịnh Nha Trang và vịnh Cam Ranh.

Về địa hình: Là một tỉnh nằm sát dãy núi Trường Sơn, đa số diện tích Khánh Hòa là núi non, miền đồng bằng rất hẹp, chỉ khoảng 400 km², chiếm chưa đến 1/10 diện tích toàn tỉnh. Miền đồng bằng lại bị chia thành từng ô, cách ngăn bởi những dãy núi ăn ra biển. Do đó để đi suốt dọc tỉnh, người ta phải đi qua rất nhiều đèo như đèo Cà, đèo Cổ Mã, đèo Chín Cùm, đèo Bánh Ít, đèo Rọ Tượng, đèo Rù Rì.

Về vùng núi và bán sơn địa: Khánh Hòa là một tỉnh có địa hình tương đối cao ở Việt Nam, độ cao trung bình so với mực nước biển khoảng 60m. Núi non ở Khánh Hòa tuy hiếm có những đỉnh cao chót vót, phần lớn chỉ trên dưới một ngàn mét nhưng gắn với dải Trường Sơn, lại là phần cuối phía cực Nam nên địa hình núi khá đa dạng.

Phía Bắc và Tây Bắc của tỉnh có vùng núi cao thuộc dãy Vọng Phu cao hơn 1000 m, trong đó có dãy Tam Phong gồm ba đỉnh núi cao là Hòn Giũ (cao 1264 m), Hòn Ngang (1128 m) và Hòn Giúp (1127 m). Dãy Vọng Phu - Tam Phong có hướng Tây nam - Đông bắc, kéo dài trên 60 km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa ba tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Đắk Lắk. Các núi thuộc đoạn giữa của tỉnh thường có độ cao kém hơn, có nhiều nhánh đâm ra sát biển tạo nên nhiều cảnh đẹp nổi tiếng, gắn với những huyền thoại dân gian và di tích lịch sử, sự kiện của địa phương như Hòn Giũ, núi Chúa với chùa Suối Ngõ, Hòn Ngang - Suối Phèn có miếu thờ Thái tử Bắc Hải, hòn Bà (tức bà Thiên Y A Na), hòn Cù Lao có tháp Ponagar và các cảnh đẹp thiên nhiên như Thác Ba Hồ, suối Ô Ô, eo Gió... Đến phía Nam và Tây Nam, lại xuất hiện một vùng núi rộng, với nhiều đỉnh núi cao trên 1500 m đến trên 2000 m, trong đó có Đỉnh Hòn Giao (2062 m) thuộc địa phận huyện Khánh Vĩnh, là đỉnh núi cao nhất Khánh Hòa. Do có nhiều núi cao, mật độ chia cắt lớn bởi khe, suối, sông tạo thành nhiều hẻm, vực, thung lũng sâu, gây khó khăn cho giao thông.

Về đồng bằng: Đồng bằng ở Khánh Hòa nhỏ hẹp, bị chia cắt bởi các dãy núi đâm ra biển. Chẳng những thế, địa hình rừng núi của tỉnh không thuận lợi cho quá trình lắng đọng phù sa, nên nhìn chung Khánh Hòa không phải là nơi thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Các đồng bằng lớn ở Khánh Hòa gồm có đồng bằng Nha Trang - Diên Khánh nằm ở hai bên sông Cái với diện tích 135 km²; đồng bằng Ninh Hòa do sông Dinh bồi đắp, có diện tích 100 km². Cả hai đồng bằng này đều được cấu tạo từ đất phù sa cũ và mới, nhiều nơi pha

lẫn sỏi cát hoặc đất cát ven biển. Ngoài ra, Khánh Hòa còn có hai vùng đồng bằng hẹp là đồng bằng Vạn Ninh và đồng bằng Cam Ranh ở ven biển, cùng với lượng diện tích canh tác nhỏ ở vùng thung lũng của hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh.

Về thêm lục địa: Thêm lục địa tỉnh Khánh Hòa rất hẹp. Địa hình vùng thêm lục địa phản ánh sự tiếp nối của cấu trúc địa hình trên đất liền. Các nhánh núi Trường Sơn đâm ra biển trong quá khứ địa chất như dãy Phước Hà Sơn, núi Hòn Khô, dãy Hoàng Nguru không chỉ dừng lại ở bờ biển để tạo thành các mũi Hòn Thi, mũi Khe Gà (Con Rùa), mũi Đông Ba... mà còn tiếp tục phát triển rất xa về phía biển mà ngày nay đã bị nước biển phủ kín. Vì vậy, dưới đáy biển phần thêm lục địa cũng có những dãy núi ngầm mà các đỉnh cao của nó nhô lên khỏi mặt nước hình thành các hòn đảo như hòn Tre, hòn Miếu, hòn Mun ... Xen giữa các đảo nổi là đảo ngầm, đảo ngầm là những vùng trũng tương đối bằng phẳng gọi là các đồng bằng biển đó chính là đáy các vũng, vịnh như vịnh Vân Phong, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh.

Ngoài các đảo đá ven bờ, Khánh Hoà còn có các đảo san hô ở huyện đảo Trường Sa. Quần đảo Trường Sa nằm ở phía nam biển Đông, cách Cam Ranh 250 hải lý (khoảng 450km). Quần đảo có khoảng 100 đảo bãi cạn, bãi ngầm rải rác trên một diện tích từ 160 đến 180 ngàn km², trong đó có từ 23 đến 25 đảo, bãi cạn nổi thường xuyên, với tổng diện tích 10km². Đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa là Ba Bình chỉ rộng 0,65km². Bãi lớn nhất là bãi Thuyền Chài, dài 30km; rộng 5km (ngập nước khi triều lên). Địa hình trên bề mặt các đảo rất đơn giản, chỉ là những mồm đá, vách đá vôi san hô, cao vài ba mét. Đất trên các đảo là đất đá vôi bị phong hóa, kết hợp với các thành phần hữu cơ như: phân chim, xác sinh vật biển, cây cỏ và nước khí quyển.

Về sông ngòi: Sông ngòi ở Khánh Hòa nhìn chung ngắn và dốc, cả tỉnh có khoảng 40 con sông dài từ 10km trở lên, tạo thành một mạng lưới sông

phân bố khá dày. Hầu hết, các con sông đều bắt nguồn tại vùng núi phía Tây trong tỉnh và chảy xuống biển phía Đông. Dọc bờ biển, cứ khoảng 5-7 km có một cửa sông. Mặc dù hướng chảy cơ bản của các sông là hướng Tây - Đông, nhưng tùy theo hướng của mạch núi kiến tạo hoặc do địa hình cục bộ, dòng sông có thể uốn lượn theo các hướng khác nhau trước khi đổ ra biển Đông. Đặc biệt là sông Tô Hạp, bắt nguồn từ dãy núi phía Tây của huyện Khánh Sơn, chảy qua các xã Sơn Trung, Sơn Bình, Sơn Hiệp, Sơn Lâm, Thành Sơn rồi chảy về phía Ninh Thuận. Đây là con sông duy nhất của tỉnh chảy ngược dòng về phía Tây.

Hai dòng sông lớn nhất tỉnh là Sông Cái (Nha Trang) và sông Dinh (Ninh Hòa). Sông Cái Nha Trang (còn có tên là sông Phú Lộc, sông Cù). Ở phần thượng lưu có tên là sông Thác Ngựa). Sông Cái Nha Trang có độ dài 79km, bắt nguồn từ hòn Gia Lê cao 1.812m chảy qua hai huyện Khánh Vĩnh, Diên Khánh, thành phố Nha Trang và đổ ra biển. Sông Cái Nha Trang có 5 phụ lưu chính hội nước vào dòng chính ở hai bên hữu ngạn và tả ngạn, tạo thành dạng nhánh cây. Các phụ lưu của sông Cái Nha Trang đều bắt nguồn ở độ cao 800 đến 1.500m, nhưng lại rất ngắn, nên độ dốc rất lớn. Ở thượng lưu và trung lưu, sông Cái Nha Trang có nhiều thác ghềnh như thác Ngựa, thác Vóng, thác Dằng Xay... Sông chảy đến địa phận thôn Xuân Lạc (xã Vĩnh Ngọc) chia thành hai chi lưu. Một chi, chảy men theo núi Đồng Bò đổ ra biển qua Cửa Bé (Tiểu Cù Huân). Chi thứ hai, chảy xuống Ngọc Hội, lại chia làm hai nhánh. Một nhánh chảy qua cầu Xóm Bóng, qua Cửa Lớn (Đại Cù Huân) và chảy ra biển. Nhánh thứ hai, chảy qua cầu Hà Ra, qua Xóm Cồn, rẽ lên phía Bắc rồi hội nước vào dòng chính, chảy ra biển qua Cửa Lớn (Đại Cù Huân). Giữa hai nhánh sông này, nổi lên các cồn, bãi như Cồn Dê, Hải Đảo, Xóm Cồn. Dòng chính của sông Cái Nha Trang khá rộng, chia làm hai nhánh, do các cát bồi đắp ở bờ Nam lan ra cửa và những khối đá sót nằm chắn giữa

dòng, sau đó hội nước vào một cửa hẹp. Vì vậy, khả năng thoát nước của sông Cái Nha Trang rất kém, nhất là trong mùa lũ, khi nước ở nguồn dồn về nhanh, đột ngột kết hợp với thủy triều rất dễ gây ra lũ lớn. Sông Cái Nha Trang là dạng sông gây bất lợi cho sản xuất và môi sinh. Tuy vậy, sông Cái Nha Trang có tiềm năng về thủy điện và là nguồn nước chủ yếu cung cấp cho sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng.

Sông Cái Ninh Hòa (Còn gọi là sông Dinh) bắt nguồn từ vùng núi Chư H Mư (đỉnh cao 2.051m) thuộc dãy Vọng Phu, dòng sông mở rộng và chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Qua khỏi Dục Mỹ, về phía hạ lưu, sông nhận thêm nước của suối Bông và đến Tân Lạc, sông nhận thêm nước của suối Trầu. Chảy đến Ngũ Mỹ, sông đổi hướng Tây - Đông, cách Ninh Hòa khoảng một cây số, sông nhận thêm nước của sông Đá Bàn và sông Tân Lan, cách cửa một cây số, còn nhận thêm nước của sông Chù Chay (sông Dõng). Các phụ lưu lớn (Đá Bàn, Tân Lan, Chù Chay) hội với dòng chính ở hạ lưu tạo thành mạng với sông Cái Ninh Hòa, có dạng nan quạt, bao trùm toàn bộ huyện Ninh Hòa. Sau khi chảy qua thị trấn Ninh Hòa, sông lại chia ra nhiều nhánh nhỏ như lạch Nga Hầu, lạch Nga Dã, lạch Ngòi Sau, lạch Cồn Ngao, rồi qua cửa Hà Liên đổ ra đầm Nha Phu. Chính nhờ sự điều hòa của đầm Nha Phu mà triều mặn vào sông có giảm bớt. Đây là dạng sông ít thuận lợi cho sản xuất và môi sinh. Tuy nhiên sông Cái Ninh Hòa có tiềm năng thủy điện lớn hơn sông Cái Nha Trang. Thác Eakrôngru có thủy điện với công suất 22.000 kw điện, ở thượng lưu có hồ Đá Bàn, tưới tiêu cho 4.500ha. Sông Cái Ninh Hòa là nguồn nước chủ yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống của người dân huyện Ninh Hòa.

Về địa chất: Cấu tạo địa chất của Khánh Hòa chủ yếu là đá granit và Riônit, đaxit có nguồn gốc mác-ma xâm nhập. Ngoài ra còn có đá trầm tích ở một số nơi. Về địa hình kiến tạo, phần đất của tỉnh Khánh Hòa đã được hình

thành từ rất sớm. Do quá trình phong hóa vật lý, hóa học diễn ra trên nền đá granit, riônit đã tạo thành những hình dáng độc đáo, rất đa dạng, phong phú, góp phần làm cho thiên nhiên Khánh Hòa có nhiều cảnh đẹp nổi tiếng.

Về khí hậu: Khánh Hòa là một tỉnh ở vùng duyên hải cực Nam Trung bộ, nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa. Song khí hậu Khánh Hòa có những nét biến dạng độc đáo với các đặc điểm riêng biệt. So với các tỉnh, thành Duyên hải Nam Trung Bộ, khí hậu ở Khánh Hòa tương đối ôn hòa hơn. Thường chỉ có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa nắng. Mùa mưa ngắn, từ khoảng giữa tháng 9 đến giữa tháng 12 dương lịch, tập trung vào 2 tháng 10 và tháng 11, lượng mưa thường chiếm trên 50% lượng mưa trong năm. Những tháng còn lại là mùa nắng, trung bình hàng năm có tới 2.600 giờ nắng. Nhiệt độ trung bình hàng năm của Khánh Hòa cao khoảng 26,7°C riêng trên đỉnh núi Hòn Bà (cách Nha Trang 30 km đường chim bay) có khí hậu như Đà Lạt và Sa Pa. Độ ẩm tương đối khoảng 80,5%.

Từ tháng 1 đến tháng 8, có thể coi là mùa khô, thời tiết thay đổi dần. Những tháng đầu mùa, trời mát, nhiệt độ từ 17-25°C, nhưng từ tháng 5 đến tháng 8 trời nóng, nhiệt độ có thể lên tới 34°C (ở Nha Trang) và 37-38°C (ở Cam Ranh). Tháng 9 đến tháng 12, được xem như mùa mưa, nhiệt độ thay đổi từ 20-27°C (ở Nha Trang) và 20-26°C (ở Cam Ranh). Khánh Hòa là vùng ít gió bão, tần số bão đổ bộ vào Khánh Hòa thấp chỉ có khoảng 0,82 cơn bão/năm so với 3,74 cơn bão/năm đổ bộ vào bờ biển nước ta, các trận bão được dự đoán sẽ đổ bộ vào Khánh Hòa trong những năm gần đây thường lệch hướng vào Nam hoặc tan ngay khi gần vào bờ. Tuy vậy, do địa hình sông suối có độ dốc cao nên khi có bão kèm theo mưa lớn, làm nước dâng cao nhanh chóng, trong khi đó sóng bão và triều dâng lại cản đường nước rút ra biển, nên thường gây ra lũ lụt, tác hại đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Về dân cư: Ngay từ thuở xa xưa, trên vùng đất Khánh Hòa đã có cư dân

sinh sống. Dựa vào các di chỉ khảo cổ được phát hiện gần đây ở các địa phương trong tỉnh như: Đốc Gạo (thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn), Xóm Cồn (phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh), xã Diên Sơn (huyện Diên Khánh), đảo Hòn Tre (TP. Nha Trang) và một số nơi khác đã tìm thấy dấu vết những cư dân đầu tiên sống cách đây khoảng từ 4.500 đến 5.000 năm.

Theo số liệu điều tra ngày 01/04/2009 dân số tỉnh Khánh Hòa là 1.156.903 người với mật độ dân số toàn tỉnh là 222 Người/km² Trong đó Nam giới có khoảng 572.412 người (49,48%) và Nữ giới có khoảng 584.491 người (50,52%) tỷ lệ tăng dân số của tỉnh bình quân từ năm 1999 - 2009 là 1,1%; tỷ số giới tính là 97,9%; tỷ lệ dân số thành thị 39,7%. Hiện nay có 32 dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Người Chăm là cư dân bản địa ở Khánh Hòa.

Hiện nay có 32 dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trong đó dân tộc Kinh chiếm 95,3% sống phân bố đều khắp các huyện, thị, thành phố, nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là các vùng đồng bằng, thành phố, thị xã, thị trấn. Dân tộc Raglai chiếm 3,4% sống tập trung chủ yếu ở hai huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh trong các bản làng. Dân tộc Hoa chiếm 0,86% sống phân tán, xen kẽ với người Kinh tại các huyện đồng bằng. Các nhóm chính khác gồm Cơ-ho chiếm 0,34%, Ê-đê chiếm 0,25%... Ngoài ra, còn có các dân tộc Tày, Nùng, Mường, Chăm... Người Chăm là cư dân bản địa ở Khánh Hòa. Tuy nhiên do những điều kiện lịch sử, từ giữa thế kỷ XVII về sau này, người Chăm ở Khánh Hòa lần lượt di chuyển vào các tỉnh phía Nam. Hiện nay, người Chăm ở Khánh Hòa còn lại số lượng không đáng kể.

Theo báo cáo của Cục Thống kê Khánh Hòa vào thời điểm của cuộc tổng điều tra dân số năm 1999, Khánh Hòa có 293.280 người có tín ngưỡng chiếm 28,7% dân số toàn tỉnh, nhiều nhất là Phật giáo 180.503 người, chiếm 17,6%, Công giáo 97.518 người, chiếm 9,6%, còn lại là Tin Lành 0,7%, Cao

Đài 0,7%, các tôn giáo khác 0,1%. Phật giáo tập trung nhiều nhất ở Nha Trang (50,4%), Công giáo, Cao Đài tập trung ở Cam Ranh, Tin Lành tập trung ở Khánh Vĩnh.

Tính đến năm 2002, Tỉnh đã phổ cập giáo dục tiểu học cho 8 huyện, thị xã, thành phố, Tỷ lệ người biết đọc biết viết đối với dân số từ 10 tuổi trở lên là 93,2% năm 1999. Về Y tế bình quân có 10 y bác sỹ trên 1 vạn dân.

Điều kiện tự nhiên đặc biệt gắn liền với nhiều đảo, nhiều hòn, nhiều vịnh, nhiều sông nơi đây đã sản sinh nhiều câu chuyện dân gian kỳ bí, nhiều thơ ca dân gian trữ tình, trong đó nổi bật là ca dao, tục ngữ.

2.1.2. Lịch sử, văn hóa, xã hội

Theo tài liệu khảo cổ học đã khẳng định ngay từ thời tiền sử, con người đã sinh sống ở đây. Lịch sử Khánh Hòa có thể chia thành các thời kỳ như sau:

Thời kỳ Chăm Pa:

Khánh Hòa ngày nay là phần đất của nước Tây Đồ Di thừa trước, sau bị nước Chiêm Thành thôn tính và đổi làm xứ Kauthara. Vào đầu Công Nguyên, một bộ phận trong bộ tộc Cau, một trong hai bộ tộc lớn của người Chăm Pa thời bấy giờ, đã thành lập nên một tiểu quốc và được đặt tên là Tiểu quốc Nam Chăm, hay còn gọi là Panrân hay Panduranga.

Thời các Chúa Nguyễn (1653-1775)

Năm 1653, lấy cơ vua Chiêm Thành là Bà Tấm (có tài liệu ghi là Bà Thám) quấy nhiễu dân Việt ở Phú Yên, Chúa Nguyễn Phúc Tần bèn sai quan cai cơ Hùng Lộc đem 3000 quân sang đánh. Thất bại nặng nề, vua Chiêm Thành sai con mang thư hàng và xin dâng đất cho Chúa Nguyễn từ vùng Phan Rang trở ra đến Phú Yên.

Thời Tây Sơn(1775 – 1858)

Vào năm 1771, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dấy binh đánh Chúa Nguyễn. Chỉ ba năm sau, Chúa Nguyễn phải bỏ Phú Xuân chạy vào Gia

Định. Quân Tây Sơn đã kiểm soát vùng đất kéo dài từ Quy Nhơn đến Bình Thuận. Sau đó, tướng nhà Nguyễn là Tống Phúc Hạp kéo quân ra đánh lấy lại được Dinh Bình Thuận và Phú Diên Khánh nhưng rồi lại bị Nguyễn Huệ đem quân đánh tan lấy lại được hai vùng trên.

Dưới ách đô hộ của thực dân Pháp đến trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1858 - 1929)

Tại Khánh Hoà, ông Trịnh Phong, người làng Phú Vinh (xã Vĩnh Thạnh) cùng các ông Lê Nghi, Trần Đường, Phạm Chánh, Nguyễn Khanh, Nguyễn Dị, Nguyễn Lương, Nguyễn Sum, Phạm Long đứng lên thành lập "Bình Tây cứu quốc đoàn" kêu gọi nhân dân gia nhập nghĩa quân, đóng góp lương thực nuôi quân, rèn vũ khí, luyện tập quân sĩ sẵn sàng chiến đấu chống quân Pháp xâm lược. Cảm cực không được bao lâu phong trào đấu tranh bị dìm trong biển máu.

Thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

Ngay sau ngày thành lập, hưởng ứng lời hiệu triệu của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ tỉnh Khánh Hoà đã phát động nhân dân trong tỉnh tiến hành phong trào đấu tranh rộng lớn, mở đầu bằng cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5 (năm 1930). Trong vòng hơn một tuần lễ (từ ngày 13 và 14-8 khởi nghĩa ở Vạn Ninh và đến ngày 22-8 khởi nghĩa ở Cam Ranh), dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ lâm thời và Mặt trận Việt Minh, nhân dân Khánh Hoà đã xóa bỏ hoàn toàn chính quyền tay sai của Nhật, thành lập chính quyền cách mạng từ tỉnh đến huyện, xã.

Tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

Trận chiến đấu mở màn ngày 23-10-1945 đã làm cho kẻ thù khiếp sợ. Ngày 20-7-1954, thực dân Pháp ký Hiệp định Giơnevơ, kết thúc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Cùng với cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và

dân Khánh Hoà tiếp tục bước vào giai đoạn cách mạng mới, chống đế quốc Mỹ xâm lược

Tiến hành cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975)

Ngày 2 và 3-4-1975, thị xã Nha Trang và các địa phương của tỉnh hoàn toàn được giải phóng. Sau ngày 2-4-1975, Khánh Hoà đứng trước nhiều vấn đề phức tạp do hậu quả của chiến tranh để lại. Mặc dù vậy, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hoà đã nhanh chóng tiếp quản, làm chủ tình hình từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ các cơ sở quân sự đến các cơ sở kinh tế, hành chính của địch. Cùng với công tác tiếp quản, thiết lập và củng cố chính quyền cách mạng, tỉnh khẩn trương bắt tay vào ổn định kinh tế xã hội, giải quyết nạn đói, việc làm và nhanh chóng cứu tế ở những nơi khó khăn. Cùng với việc cứu đói, Đảng bộ và chính quyền các cấp đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Nhờ những cố gắng nói trên, cuộc sống của nhân dân trong tỉnh sớm được ổn định để bước vào thời kỳ mới.

Như vậy, tỉnh Khánh Hoà là một tỉnh có điều kiện tự nhiên, lịch sử khác biệt với các tỉnh duyên hải Nam trung bộ. Khánh Hoà có phong cảnh tự nhiên đẹp: nhiều đảo, nhiều hòn, nhiều sông, lạch, bãi biển đẹp, khí hậu ôn hòa. Gắn liền với điều kiện tự nhiên là các sản vật quý, những lễ hội truyền thống đặc trưng cho từng miền quê của tỉnh Khánh Hoà.

Khánh Hoà là xứ trầm hương

Non cao biển rộng người thương đi về

2.2. NHỮNG GIÁ TRỊ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

2.2.1. Triết lý về thế giới quan

Con người là một bộ phận của giới tự nhiên, không tách rời khỏi giới tự nhiên. Vì vậy, ngay từ khi vừa tách mình ra khỏi giới tự nhiên con người đã đặt ra hàng loạt các câu hỏi để giải thích thế giới. Qua việc tìm ra câu trả lời,

con người đã tự hình thành nên hệ thống tri thức về thế giới. “Thế giới quan (world views, world outlook) là hệ thống những quan điểm, quan niệm của con người về thế giới, về vị trí vai trò của con người trong thế giới nhằm giải đáp vấn đề về mục đích và ý nghĩa của cuộc sống con người” [1, tr.237].

Với ý nghĩa như vậy, triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa cũng thể hiện rõ nét những quan niệm của con người Khánh Hòa về giới tự nhiên.

Về nguồn gốc của thế giới

Triết học Mác- Lênin khẳng định: “Thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức” [9, tr.298]. Con người trong mọi hoạt động nhận thức của mình đều có quan hệ với thế giới tự nhiên để cải tạo thế giới tự nhiên để phục vụ cuộc sống của mình. Tuy nhiên, việc cải tạo giới tự nhiên không phải là vấn đề đơn giản, đòi hỏi con người phải hiểu được các hiện tượng của tự nhiên, vạch ra được các thuộc tính, nắm được các quy luật vận động và phát triển của nó.

Lý giải về nguồn gốc của thế giới, ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa thường nhắc đến tên các miền quê: Vạn Giã, Tu Bông, Ninh Hoà, Cầu Thành, Cồn Cạn, Nha Trang, Cam Ranh, Diên Khánh... Những hòn đảo và núi như: hòn Hèo, hòn Đò, hòn Kẽm, hòn Chử, hòn Dữ, hòn Dung, hòn Chồng... Những con sông, con suối như: sông Dinh, sông Cù, sông Cái, suối Tiên, suối Đò, suối Ngõ.

Mây Hòn Hèo, Heo Đất đỏ

Hòn Hèo là tên ngọn núi cao nhất (873mét) trong dãy Phước Hà sơn ở huyện Ninh Hoà, có ba mặt giáp biển, một mặt giáp xã Ninh Phú. Nơi đây có phong cảnh hữu tình, bãi biển rất đẹp, đang được khai thác thành khu du lịch nghỉ mát của tỉnh Khánh Hoà. Cách đây hơn 30 năm, Hòn Hèo từng là căn cứ địa của hai cuộc kháng chiến. Còn tên Phước Hà sơn có nghĩa là núi ở tổng

Phước Hà, thuộc huyện Quảng Phước, sau này nhập vào huyện Tân Định (Ninh Hoà ngày xưa). Người ta quen gọi núi Hòn Hèo thay cho Phước Hà sơn. Mây Hòn Hèo không có nghĩa là mây trắng thường bay lơ lửng trên núi Hòn Hèo mà mây ở đây là cây thuộc loại dây leo, nhỏ là mây cắt làm dây cột, nức thúng, nĩa các vật dụng thường ngày trong gia đình. Loại lớn đường kính có thể lên 3 đến 4 cm dùng làm ghế bàn. Đặc biệt ở đây có loại mây bông, nét hoa văn rất đẹp, to và thẳng, người ta dùng làm gậy chống gọi là hèo. Tên Hòn Hèo là như thế.

Heo Đất Đỏ: Phía tây núi Ô Gà thuộc thôn Văn Định, Nội Mỹ, xã Ninh Đông có vùng đồi núi đất đỏ nhiều đá, hiện nay người ta khai thác đất làm đường giao thông. Nơi đây ngày xưa có nhiều heo rừng sinh sống, cắn phá mùa màng của nhân dân. Heo Đất Đỏ trong câu này là heo rừng sinh sống ven rừng núi Ô Gà. Do chất đất ở đây giàu dinh dưỡng, heo rừng ủ đất đào bới kiếm thức ăn cho nên thịt heo rừng ở đây cũng đặc biệt ngon hơn nhiều.

Hay vừa đặt chân đến địa phận tỉnh Khánh Hòa đã bắt gặp tình cảm mặn nồng, nhớ nhung của nam và nữ gắn liền với các địa danh nổi tiếng trong tỉnh:

Anh bước chân lên Đèo Cả
 Anh trông sang Vạn Giã,
 Anh ngó lại Tu Bông,
 Biết rằng cha mẹ đành không,
 Anh chờ em đợi, uống công hai đàng...

Như đã đề cập ở trên, triết lý về tự nhiên ở Khánh Hòa là nói đến mảnh đất gắn liền với biển. Biển Khánh Hòa cũng rất đặc biệt: nhiều đảo, nhiều hòn, nhiều vịnh, sóng yên biển lặng, nước trong, một phong cảnh hữu tình, lãng mạn, nên thơ:

Bãi biển Nha Trang mịn màng trắng trẻo

Nước trong leo lẻo, gió mát trắng thanh

Đêm đêm thơ thẩn một mình

Đố sao cho khỏi vương tình nước mây.

Phong cảnh thiên nhiên Khánh Hoà không chỉ đẹp một cách đơn thuần mà bao giờ cũng gắn liền với những sản vật quý, đặc trưng cho từng miền quê của tỉnh Khánh Hòa.

Ai về Hòn Khói quê tôi

Non xanh nước biết muối ngời trắng trong

Hòn Khói nằm phía đông Huyện Ninh Hoà. Hòn Khói là cửa biển quan trọng. Triều đình đặt quan cai trị đóng quân trên đỉnh núi, có chất củi khô. Khi nào có giặc đến thì đốt lửa lên làm hiệu, khói tỏa bay lên cao, để báo động gọi quân tiếp viện, nên còn có tên Hòn Khói. Hòn Khói là tên gọi chung của vùng đất gồm 4 xã Ninh Hải, Ninh Thủy, Ninh Phước, Ninh Diêm thuộc huyện Ninh Hoà. Hòn Khói là cảng biển nhưng sản vật chính được nói đến ở đây là muối. Khánh Hoà nằm dài theo bờ biển, nhưng chỉ có Hòn Khói mới có ruộng sản xuất muối, các nơi khác không có. Muối ở đây tốt được tiêu dùng trong cả nước, nhất là vùng Tây Nguyên.

Sản vật có loại do thiên nhiên ưu đãi, cũng có loại do con người vất vả làm ra, nhưng tất cả đều được ca dao, tục ngữ nhắc đến bằng một thái độ trân trọng đáng tự hào:

Khoai lang Suối Ré

Đậu phụng hòn Dung

Chồng đào vợ mót đồ chung một gùi

Câu ca dao trên muốn giới thiệu sản vật đặc sản là khoai lang ở Suối Ré, huyện Ninh Hoà. Đất đai làng Suối Ré thuận lợi trồng cây khoai lang, ngày xưa trồng rất nhiều, nhà nào cũng trồng, chất lượng củ khoai ngọt bùi rất ngon. Khoai lang còn được chế biến thành bánh phơi khô, nướng ăn giòn giã,

đậm đà hương vị quê hương.

Ở huyện Ninh Hoà có núi tên Hòn Vung nhưng bà con quen gọi là Hòn Dung, hiện nay ở Xã Ninh Sơn, cao khoảng 320m, hình dáng núi đỉnh nhọn vút trên trời xanh, ở xa nhìn giống như cái vú nên còn có tên là Nhũ sơn. Bà con lại thấy giống cái nấp vung nên quen gọi là Hòn Vung.

Vào thời kỳ triều Nguyễn vùng này chuyên trồng trầu, đến thời kỳ sau này dân bà giảm việc ăn trầu, thì người ta trồng đậu phụng, củ sai, tốt, chất lượng hạt không kém gì đậu phụng Bình Định.

Từ xưa đến nay, ca dao, tục ngữ Khánh Hòa luôn nằm trong lòng của người dân xứ biển như một thứ tình cảm tự nhiên trong máu thịt, để mỗi khi đi xa ai cũng mong trở về. Tình yêu ấy gắn liền với niềm tự hào về sự giàu có, phong phú về sản vật và những nét đẹp văn hóa cổ truyền của người Khánh Hòa:

Ai về Xóm Bóng quê nhà

Hỏi thăm điệu múa Dâng Bà còn không?

Xóm Bóng, Hà Ra: Nơi có Tháp Chàm Ponagar thuộc Xã Cù Lao. Ở đây hàng năm có lễ múa bóng vào ngày 3-3 âm lịch. Vũ công là người địa phương, Hà Ra chiếc cầu nổi trung tâm thành phố Nha Trang với Xóm Bóng.

Như vậy, triết lý trong ca dao, tục ngữ về phong cảnh Khánh Hoà mang tính chất địa phương, đặc thù rõ nét. Người dân Khánh Hòa sống chủ yếu bằng nghề biển, trong quá trình tiến hành lao động sản xuất, việc tìm hiểu tự nhiên, tác động vào tự nhiên để đúc kết thành những kinh nghiệm sống có ý nghĩa sống còn đối với họ. Do đó, vấn đề nhận thức thế giới tự nhiên nói chung và biển nói riêng đã trở thành một nhu cầu, thành động lực thôi thúc của con người Khánh Hòa. Một phần sản phẩm trí tuệ, kinh nghiệm mà người dân lao động đã đúc kết ra trong quá trình lao động chính là ca dao, tục ngữ. Cho nên, ca dao, tục ngữ tinh Khánh Hòa biểu hiện tính triết lý của con người

trong quá trình sinh sống, trước hết là triết lý về biển, thông qua mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên. Biển và phong cảnh thiên nhiên nổi bật lên đó là hình ảnh non - nước, núi-biển. Ở Khánh Hòa non và nước giao thoa một cách sống động, trữ tình và hài hòa .

Không chỉ giải thích nguồn gốc của thế giới, Triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa qua nhận thức người dân nơi đây còn đúc rút ra những quy luật mang tính chất đặc thù của một vùng đất Nam Trung Bộ. Nhận thức về quy luật của thời tiết, mùa vụ ở tỉnh Khánh Hòa cũng rất đặc biệt:

Thế gian chẳng biết thì nhầm

Trời sắp ầm ầm là trời chưa mưa

Câu tục ngữ này thực chất là những kinh nghiệm về thời tiết và khí hậu được người dân Khánh Hòa rút ra qua quá trình lao động sản xuất và trong quá trình sống. Điều này chứng tỏ rằng người dân Khánh hòa có khả năng nhận biết các hiện tượng của thời tiết và khí hậu, có khả năng khái quát hóa các hiện tượng riêng lẻ thành cái chung, cái phổ biến. Để có những kinh nghiệm quý báu đó, người dân đã trải qua một quá trình quan sát các hiện tượng tự nhiên lâu dài, lặp đi lặp lại nhiều lần.

Không chỉ nhận thức về các quy luật của tự nhiên, triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa còn thể hiện tư duy biện chứng rõ nét.

Qua lao động, con người tác động vào giới tự nhiên làm cho giới tự nhiên bộc lộ ra những thuộc tính, những quy luật vốn có, đó là mối liên hệ phổ biến của sự vận động và phát triển không ngừng của các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên. Không chỉ dừng lại ở các hiện tượng tự nhiên tồn tại độc lập thuần túy như mây, mưa, sấm chớp, gió, sao, người lao động còn nhận thấy được rằng các hiện tượng tự nhiên tồn tại dường như độc lập đó đều nằm trong mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa thể hiện rõ nét tư duy biện chứng của con người Khánh

Hòa. Con người Khánh Hòa từ lâu đã xem xét sự vật, hiện tượng trong mối liên hệ và trong sự phát triển. Điều này được thể hiện rõ trong mối quan hệ giữa người với người, đó là kinh nghiệm chua chát về sự ngăn trở giàu nghèo, về thái độ và sự lựa chọn của con người đối với tiền bạc và tình nghĩa.

Cây cao bóng ngả tà thâm

Thương anh rồi phải thương thâm mẹ già

Ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa thể hiện mối quan hệ nhân - quả một cách biện chứng. Đó là một số đức tính tốt trong sinh hoạt như chăm chỉ siêng năng, tiết kiệm, sẽ đưa con người đến cuộc sống sung túc, khá giả.

Làm ít ăn nhịn có dư

Làm nhiều ăn dư cũng như không làm

Ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa còn thể hiện rõ mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng:

Khôn nhìn mặt, dại nhìn gan

Hay đó là sự thể hiện nhận thức rạch ròi, đúng đắn giữa cái nội dung và hình thức, giữa hiện tượng và bản chất, đồng thời đề cao những giá trị đích thực:

Rượu ngon bắt luận bề sành

Áo rách khéo vá hơn lành vụng may

Hiện tượng và hình thức phong phú hơn nội dung và bản chất. Bản chất và nội dung là cái tương đối ổn định, ít biến đổi còn hiện tượng và hình thức là cái thường xuyên biến đổi. Như Lenin nhấn mạnh: “Cái không bản chất, cái bề ngoài, cái trên mặt thường biến mất, không bám chắc, không ngòai vững bằng bản chất” [24, tr.137].

Triết lý ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa còn làm rõ mối quan hệ giữa tất nhiên và ngẫu nhiên.

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Kêu mau đến Tết, dựng nêu ăn chè

Theo triết lý dân gian thì cái tất yếu là cái nhất thiết phải diễn ra, còn cái ngẫu nhiên là cái xảy ra như thế nào thì người ta khó mà đoán biết được. Rõ ràng, trong việc nhận thức cái tất nhiên và ngẫu nhiên, ca dao, tục ngữ Khánh Hòa cũng đã thể hiện rõ nét.

Bên cạnh đó, tính triết lý ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa, rất coi trọng vấn đề nhận thức. Nhận thức bắt đầu bằng sự hiểu biết, muốn hiểu biết phải có học hỏi:

Con ơi nhớ lấy lời cha

Học dăm ba chữ hơn toà ngói cao

Người Khánh Hòa đề cao việc học hành để nâng cao sự hiểu biết của mình. Từ trước đến nay đã có rất nhiều bậc anh tài coi sự học như là con đường duy nhất để giúp dân, giúp nước.

Ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa thể hiện cả những kinh nghiệm được rút ra từ hoạt động thực tiễn, làm rõ vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Đó là những kinh nghiệm cay đắng của con người khi sa cơ thất thế.

Người khôn thất thế cũng khờ

Ba mươi đời cọp dữ sa cơ cũng hèn

Như vậy, từ chỗ hàng ngày phải đối mặt với tự nhiên, trải qua những thất bại hay thành công trong lao động sản xuất, người dân Khánh Hòa đã đúc rút được kinh nghiệm mang tính triết lý cao là khi làm gì thì con người cũng phải thực tế, phải tôn trọng hiện thực khách quan. Nếu làm trái với quy luật sẽ không đạt được mục đích gì hết mà còn bị thất bại.

Tính triết lý trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa còn được thể hiện ở chỗ trong điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh còn ở trình độ thấp, trải qua nhiều thiên tai và tri thức khoa học chưa được phổ biến nhưng người dân của địa phương vẫn lạc quan, yêu

cuộc sống, tin tưởng và tự làm chủ bản thân mình. Chính điều đó tạo cho người dân địa phương đức tính cần cù, chịu khó, ham học hỏi, ham hiểu biết. Có thể nói cách nhìn nhận về thế giới, về con người, về thời cuộc, vì thế mà mang tính triết lý, nhân văn khá sâu sắc. Đúng như giáo sư Nguyễn Tài Thư đã nhận xét: “Rất tiếc là lịch sử chưa đúc kết lên thành những hệ thống triết học. Ở đó tư duy phải là triết học thuần túy nhưng đã đề cập tới một số vấn đề của bản thân triết học” [37, tr. 36].

2.2.2. Triết lý về nhân sinh quan

Triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa thể hiện rõ nét những quan niệm về xã hội và con người Khánh Hòa. “Nhân sinh quan là toàn bộ những quan niệm chung nhất về xã hội và con người” [1, tr. 14].

Triết lý trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa thể hiện rõ nét quan niệm về con người và số phận con người.

Một là, về con người, ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa phản ánh rõ triết lý trong quan niệm về đời người, thông qua cách lý giải nguồn gốc, sinh mệnh của con người, vai trò của con người. Con người, từ khi được sinh ra cho đến khi trở về với cát bụi, luôn ý thức được giá trị của bản thân mình, sự tồn tại của con người là vô giá không có gì so sánh được. Chính C.Mác đã nói rằng: “Con vật chỉ sản xuất ra bản thân nó, con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên” [25, tr.137].

Trong triết lý về con người, ca dao, tục ngữ Khánh Hòa thể hiện quan điểm duy vật rõ nét. Trải qua thực tiễn, bằng kinh nghiệm sống người dân Khánh Hòa hiểu được rằng con người luôn có nguồn gốc, có tổ tông chứ không phải do lực lượng siêu nhiên, thần thánh tạo ra:

- Giọt mưa trước nhỏ đầu, giọt mưa sau nhỏ đó
- Con khôn cha mẹ nào răn

Ví như trái bưởi ai lăn nó tròn”

Việc bác bỏ quan niệm con người do thượng đế sáng tạo ra, đời người không phải do trời quy định đã phần nào chứng tỏ trong xã hội người dân luôn có ý thức vươn lên để khẳng định bản thân mình, khẳng định vai trò, vị trí của con người trước sức mạnh của tự nhiên. Con người phải làm chủ bản thân, không chịu khuất phục trước sức mạnh của tự nhiên. Bằng hoạt động lao động của mình, con người luôn tác động có ý thức, có mục đích vào tự nhiên, nhờ vậy con người đã có được quan niệm đúng đắn khi cho rằng, đời người cũng như các sự vật và hiện tượng, luôn biến đổi không ngừng. Đây là quan điểm tự tin, lạc quan, không buông xuôi số phận, một nét đặc trưng của con người Khánh Hòa.

Vì con người có nguồn gốc, tổ tông nên tính cách của con người: khôn hay dại, tốt hay xấu là do yếu tố truyền thống, gia đình, dòng tộc, nòi giống được xem là yếu tố quan trọng trong việc hình thành và giáo dục nhân cách con người.

Gà nòi không tập cũng hay

Con nòi không tập cũng tà thể gian

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tính cách con người ở một địa phương, một vùng đất nào đó được hình thành bởi rất nhiều yếu tố như: hoàn cảnh tự nhiên, xã hội, điều kiện lao động sản xuất và quá trình lịch sử của vùng đất đó. Con người sống trong xã hội luôn có mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, mối quan hệ đó càng ngày càng phát triển cùng với sự phát triển của xã hội như một quy luật tất yếu khách quan. Chính các mối quan hệ trong xã hội đã quy định bản chất của con người qua mỗi từng giai đoạn lịch sử nhất định, qua đó bản chất của con người được bộc lộ sâu sắc hơn. Trong tác phẩm “Luận cương về Phoio bắc”, Mác đã chỉ rõ bản chất của con người: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những

quan hệ xã hội” [26, tr.11]. Từ luận đề của Mác chúng ta thấy rõ không thể tách con người ra khỏi xã hội, khỏi môi trường sống, lao động, đấu tranh xã hội mà phải luôn đặt con người trong các mối quan hệ xã hội, biết lựa chọn các mối quan hệ.

Trong triết lý của người dân Khánh Hoà, con người có lòng yêu quê hương đất nước sâu nặng. Tình yêu ấy thể hiện ở niềm tự hào về phong cảnh, sản vật phong phú và những con người anh hùng đã làm rạng rỡ nên vùng đất này.

Đi đâu cũng nhớ Khánh Hòa

Nhớ biển Nha Trang gió mát, nhớ Ninh Hòa nhiều nem

Tình yêu, tình cảm vợ chồng, tình mẹ con, gia đình, tình người... tất cả được diễn đạt một cách rõ ràng, cụ thể, ít ẩn dụ xa xôi mà rất thấm thiết, rất thật.

Gió đâu bằng gió Tu Bông

Thương ai bằng thương cha , thương mẹ, thương chồng thương con

Về xã hội, triết lý trong ca dao, tục ngữ Khánh Hoà ít đề cập đến mâu thuẫn xã hội, đấu tranh giai cấp, vấn đề giàu nghèo, thân phận con người, ít khi có tiếng thở dài, than thân, trách phận. Trái lại chứa đựng niềm hy vọng ở tương lai tươi sáng, sự đổi đời.

Đừng than cái áo rách tay

Trời kia ngó lại vá may mấy hồi

Trong triết lý, người Khánh Hòa xem xét sự vật trong mối liên hệ và trong sự phát triển. Cảm nhận đời người, nhìn nhận số phận con người không chỉ thấy ở hiện tại mà còn hy vọng ở tương lai. Hướng đến tương lai trong sự phát triển đầy đủ hơn, hoàn thiện hơn, no ấm hơn, sung túc hơn.

Quan hệ gia đình với xã hội luôn là mối quan hệ gắn bó, trong đó những chuẩn mực đạo đức truyền thống luôn được đề cao. Nhiều câu ca dao,

tục ngữ không chỉ kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc mà còn biết chọn lọc cái mới, tiếp thu cái tiến bộ đồng thời phê phán cái lạc hậu theo quan điểm kế thừa của phép biện chứng duy vật. Ca dao, tục ngữ Khánh Hòa vượt lên cả sự khuyên răn giáo dục, lên tiếng phê phán những biểu hiện suy, đồi về đạo đức:

Trời sinh trái mít có gai
Con hư tại mẹ dẫn trai vô nhà

Mối quan hệ giữa người và người, là những vấn đề được, nói đến nhiều trong ca dao, tục ngữ Khánh Hoà. Đó là kinh nghiệm cay đắng về sự ngăn trở giàu nghèo, về thái độ và sự lựa chọn của con người đối với tiền bạc và tình nghĩa.

Giàu cha giàu mẹ thì ham
Giàu cô chú bác ai làm nấy ăn

Như vậy, triết lý về đời người trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa có giá trị nhân văn cao cả thể hiện ở niềm tin và tình thương yêu mãnh liệt của con người. Nhờ thiên nhiên ưu đãi, không chỉ tài nguyên thiên nhiên phong phú, mưa nắng thuận hoà, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp mà phong cảnh còn rất hữu tình, nên thơ, lãng mạn. Chính thiên nhiên đã góp phần làm nên tâm hồn tính cách của người Khánh Hoà: sống tình cảm, chân thành, gắn bó, giao hoà với cảnh vật, non nước và chan chứa tình yêu con người.

Tư tưởng triết lý ấy đã chi phối sự ứng xử của con người trong mọi mối quan hệ, mọi lĩnh vực của đời sống. Nó nói lên một điều đáng quý rằng, từ xa xưa người dân Khánh Hòa nói riêng, dân tộc Việt Nam nói chung, đã đi theo chủ nghĩa nhân văn. Chủ nghĩa nhân văn ấy không giáo điều, không cuồng tín, trái lại, nó rất thực tế, rất người và chính điều đó đã làm nên sức mạnh giúp dân tộc vượt lên mọi khó khăn, thử thách trong trường kỳ lịch sử để tồn tại và phát triển. Đến Khánh Hòa không ai không biết đến phương

châm du lịch của tinh: Khánh Hòa điểm đến văn minh và thân thiện. Tư tưởng triết lý đó cần được trân trọng, gìn giữ và phát huy mãi mãi cả hôm nay và ngày mai.

Hai là, về vai trò của con người. Ca dao, tục ngữ tinh Khánh Hòa đề cao vai trò của con người trong lao động, trong cải tạo hoàn cảnh để vươn lên trong cuộc sống. Từ lâu đời, cư dân Nam Trung Bộ nói chung và Khánh Hòa nói riêng đã nương tựa vào biển để làm ăn sinh sống, tạo dựng làng mạc quê hương, đắp bồi truyền thống, trao gửi những tình cảm. Ngược lại, biển cũng là một lực lượng thiên nhiên hùng vĩ và bí ẩn chi phối mạnh mẽ đời sống của con người. Nhưng con người bằng sức sáng tạo của mình đã chinh phục được thiên nhiên hùng vĩ và đầy bí ẩn đó qua đó mới thấy rõ sức mạnh của con người Khánh Hòa.

Ca dao, tục ngữ Khánh Hòa từ xưa cũng đã phản ánh vai trò của con người trong lao động. Nghề biển được coi là nghề chính, muốn đi biển thắng lợi người dân đề ra phương pháp phát huy sức mạnh của tất cả mọi người, phải huy động toàn bộ sức lực của các thành viên trong gia đình:

Chồng chài vợ lưới con câu

Thằng rẻ đi tát, con dâu đi mò.

Biển là nguồn sống của con người, nuôi giữ những tình cảm gia đình truyền thống của các thế hệ. Nhưng nghề biển là một nghề gian nan, khó nhọc, hiểm nguy. Kiếm miếng ăn từ biển cũng không dễ dàng. Nó đòi hỏi một tinh thần lao động bền bỉ, liên tục. Ngư dân Khánh Hòa từ lâu đã biết lợi dụng những điều kiện sẵn có trong tự nhiên để nâng cao thành quả lao động. Điều này đã cho thấy tư duy của con người đã vượt trước điều kiện kinh tế xã hội lúc bấy giờ. Chẳng hạn, khi tác động trực tiếp vào các sự vật và hiện tượng trong tự nhiên, họ đã thấy được rằng mọi sự vật, mọi hiện tượng đều có một hình thù cụ thể. Chính nhà triết học Aristot đã chỉ rõ, “mọi sự vật, hiện tượng

đều có hình dạng của nó”[40, tr.245], nghĩa là mọi sự vật, hiện tượng đều có một hình thức bề ngoài nhất định nào đó đo nhận thức của con người khám phá ra.

Nỗi vất vả được dân gian so sánh với nghề làm ruộng:

Khó như nghề ruộng em theo

Giàu như nghề biển hết chèo hết ăn.

Không chỉ dừng lại ở đó, trong đấu tranh bảo vệ và xây dựng quê hương đất nước, con người Khánh Hòa cũng thể hiện vai trò của mình: kiên cường, bất khuất, sẵn sàng xả thân vì đất nước trước khi lo cho lợi ích riêng tư của bản thân:

Trai tài yêu nước, yêu nhà

Nước kia có trọn thì nhà mới yên

2.2.3. Triết lý về đời sống kinh tế, chính trị, xã hội

Về kinh tế, tỉnh Khánh Hoà chủ yếu là nghề nông nghiệp và ngư nghiệp. Vì vậy, những yếu tố tự nhiên như mưa nắng, gió bão, lũ lụt, hạn hán có liên quan và tác động trực tiếp đến quá trình lao động của nhân dân. Quan sát, nhận biết những biểu hiện của thời tiết, khí hậu là việc làm tự nhiên và cần thiết của người lao động. Chỉ có nhận thức và rút ra những kinh nghiệm đúng đắn mới sản xuất có hiệu quả. Bằng thực tiễn, người dân Khánh Hoà đã kiểm tra tính chính xác của nhận thức. Điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên lý chủ nghĩa Mác đó là thực tiễn có vai trò là tiêu chuẩn để kiểm tra kết quả của nhận thức.

Ông tha mà bà không tha

Liền cho cây lụt hai ba tháng mười

Theo dân gian, câu tục ngữ này bắt nguồn từ truyền thuyết Thiên Y A Na, khi trên đường trở về Đại An, chồng Bà là thái tử Bắc Hải cho thuyền của quân lính đuổi theo. Bà đã dâng nước lên ngăn cản, gây ra nạn lụt trên. Trong

thực tế cũng đã kiểm chứng là mùa mưa ở Khánh Hòa chủ yếu rơi vào từ tháng 9 đến tháng 11 dương lịch. Trước hai ba tháng mười âm lịch hàng năm ở đây thường có lụt lớn, còn qua hai ba tháng mười sẽ không còn lũ lụt nữa.

Cái mưa, cái gió ở Khánh Hoà cũng đặc biệt. Bởi hiện tượng tự nhiên ấy gắn liền với một vùng đất, một tên địa danh cụ thể:

Mưa đồng Cọ, gió Tu Bông

Tu Bông là vùng quê phía Nam Đèo Cả. Từ xưa nơi đây đã được gọi là Tụ Phong, nơi tích tụ gió. Gió Tu Bông dữ dội và khắc nghiệt, góp phần tạo nên trầm hương nhưng không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Ngày nay người nông dân đã cài vụ để tránh mùa gió, cho năng suất cao hơn.

Những kinh nghiệm về thực tiễn lao động, về thời vụ, mùa màng, thu hoạch... cũng được nhân dân đúc kết bằng những câu nói giản dị, rất dễ nhớ, dễ vận dụng vào đời sống sản xuất:

Bao giờ trời kéo vẩy tê

Sắp gồng, sắp gánh ta về kéo mưa

Về lịch sử - xã hội, ca dao, tục ngữ Khánh Hòa còn nhắc lại truyền thống đấu tranh hào hùng chống giặc ngoại xâm của tinh nhà. Trong triết lý người Khánh Hòa quan niệm chỉ có đấu tranh, chỉ có liên hiệp lại trong một tổ chức và đấu tranh một cách tự giác thì mới giành được độc lập, tự do, mới xóa bỏ chế độ cũ và lập ra chế độ mới. Trong kháng chiến chống Pháp người dân Khánh Hòa đã làm theo triết lý ấy:

Tiếng đồn anh hay chữ

Lại đây em hỏi thử

Đôi câu lịch sử Khánh Hòa

Từ ngày Tây cướp nước ta

Những ông nào dựng cờ khởi nghĩa

Anh hãy nói ra cho em tường

Nghe lời em hỏi mà thương
 Thương người nghĩa liệt tư vương vấn lòng.
 Vì thù non sông,
 Họ thề không đội trời chung với giặc ác
 Từ Nam chí Bắc
 Thiếu chi gan sắt đá đồng
 Ở Khánh Hòa thì có ba ông
 Ông Trần Đường giữ đèo Dốc Thị
 Ông Trịnh Phong trấn nơi Biên Cù
 Ông Nguyễn Khanh lo việc quân nhu
 Ba ông một dạ, nghìn thu danh truyền

Bài ca dao nhắc nhở mọi người không bao giờ quên phong trào "Bình Tây cứu quốc đoàn" trong những ngày đầu trong phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay để tưởng nhớ công ơn của các bậc tiền bối, tỉnh Khánh Hòa đã lấy tên của các ông đặt tên đường (đường Trần Đường, đường Trịnh Phong, đường Nguyễn Khanh) gắn liền với tên của những người đã có công bảo vệ và xây dựng nên vùng đất này.

Tình cảm với quê hương cũng được người dân Khánh Hoà nhận thức sâu sắc. Mượn lời mẹ nói với con, thế hệ trước nói với thế hệ sau, triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa đã nhắc nhở mọi người nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc độc lập tự do. Yêu nước, xả thân vì đất nước được xem là chuẩn mực đạo đức, tài năng của con người Khánh Hòa.

Nghe lời mẹ đứng lên đi
 Nước không độc lập sống gì hỏi con”

Như vậy, trong triết lý về xã hội, một trong những tư tưởng tiến bộ mang tính nhân văn sâu sắc nhất được phản ánh trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa đó là quan niệm về sự hy sinh cho cộng đồng, cho xã hội. Đòi người ai

rồi cũng phải chết, thế nhưng chết như thế nào mới là người có đạo đức, có nhân cách. Người dân Khánh Hòa luôn tôn trọng những cái chết vì chính nghĩa, vì nghĩa lớn, nêu cao gương chiến đấu hi sinh, phí phách của những con người anh hùng. Đã chết là chết cho thanh cao, chết vì đại nghĩa. Trong xã hội những người nào sống độc ác, có hại cho dân, cho nước sẽ bị mọi người lên án, những kẻ đó không nên sống, vì họ đi ngược lại với đạo lý làm người. Triết lý này đã được nhân dân đề cao, nó là cội nguồn cho những phong trào đấu tranh chống giặc ngoại xâm và chống bọn phản quốc, góp phần tích cực to lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, vì nền độc lập của dân tộc.

2.2.4. Triết lý về văn hóa và các giá trị văn hóa

Ca dao, tục ngữ là một trong những bộ phận của hình thái ý thức xã hội. Vì vậy, ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa, phản ánh đời sống kinh tế - xã hội và các quan hệ xã hội của quần chúng nhân dân lao động trong tỉnh. Ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa là một bộ phận cấu thành của văn hóa Khánh Hòa, triết lý ca dao, tục ngữ Khánh Hòa về văn hóa và các giá trị văn hóa thể hiện ở những nội dung chủ yếu như sau:

Về quê hương đất nước, quê hương đất nước là một đề tài phổ biến trong ca dao, tục ngữ cả nước nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng. Như đã đề cập ở trên, nói đến Khánh Hòa là nói đến mảnh đất gắn liền với biển. Giá trị triết lý trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa nói về biển chiếm tỷ lệ lớn trong kho tàng ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa. Triết lý về biển, trước hết là nhận thức của con người về biển. Người dân Khánh Hòa đa số có cuộc sống mưu sinh gắn liền với biển. Trải qua quá trình lao động gắn liền với biển lâu dài con người có những nhận thức tương đối chính xác về biển ở Khánh Hòa. Biển Khánh Hòa có nơi êm dịu, hiền hòa, có nơi hung dữ, nhiều luồng sâu cạn khác nhau.

Biển Khánh Hòa cũng rất đặc biệt: nhiều đảo, nhiều hòn, nhiều vịnh, sóng yên biển lặng, nước trong:

Bãi biển Nha Trang mịn màng trắng trẻo

Nước trong leo lèo giá mát trắng thanh

Đi vào trong phía Nam của tỉnh ta cũng bắt gặp nhiều điều thú vị, đa dạng về biển thể hiện sự từng trải của người dân xứ biển.

Bãi Dài nhiều lạch cạn sâu

Thiếp chàng kết nghĩa trao câu ân tình

Ra sao phải nói cho mình

Vân tiên mắc nạn gửi mình về đâu.

Triết lý về quê hương đất nước trong ca dao, tục ngữ còn thể hiện ở sự hiểu biết và trân trọng những sản vật quý của địa phương gắn liền với từng vùng đất cụ thể:

Thơm Vụn Giã ngọt đà quá ngọt,

Mía Phú Ân cái đọt cũng ngon

Hỏi người chưa vợ chưa con

Vào đây chung gánh nước non với mình.

Quần bao lên thác xuống ghềnh,

Mía ngon, thơm ngọt đượm tình quê hương.

Theo quan điểm của Mác con người không chỉ có mặt sinh học mà còn có cả mặt xã hội, chính mặt xã hội làm nên nét văn hóa của mỗi người. Ngay cả mặt sinh học của con người cũng đã mang tính xã hội, tính người. Con người ăn không chỉ để tồn tại, ăn còn để nhớ, còn để thể hiện nét đẹp văn hóa của địa phương mình. Từ nỗi nhớ vị ngon ngọt của món ăn, người ta nhớ đến tên đất, tên làng, tên sông, tên hồ... quê hương của vị ngon ngọt đó.

Yến sào hòn Nội

Vịt lội Ninh Hoà

Tôm hùm Bình Ba
 Nai khô Diên Khánh
 Cá tràu Võ Cạnh
 Sò huyết Thủy Triều
 Đồi anh cay đắng đã nhiều
 Về đây, ngọt sớm, ngon chiều với em.

Những câu ca dao trên liệt kê những sản vật ngon ở tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, đặc biệt là các sản vật quý mang đặc trưng của biển như yến sào, tôm hùm, sò huyết gắn với những địa danh Hòn Nội, Bình Ba, Thủy Triều... Đó là lời khẳng định sự trù phú của quê hương, vun đắp tình yêu, hạnh phúc, sự thanh thản trong tâm hồn và tình cảm gắn bó thủy chung, tạo dựng cuộc sống ổn định và bền vững của họ trên vùng đất này.

Về tình yêu đôi lứa, triết lý về tình yêu đôi lứa trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa cũng rất đặc biệt: mượn hình ảnh con đèo, cái hòn để bày tỏ tình cảm, hẹn hò thề thốt. Đó còn là cách thể hiện tình yêu của mình đối với quê hương đất nước.

Anh thương emặng nghĩa vuông tròn
 Mấy sông cũng lội mấy hòn cũng qua

Tình yêu đôi lứa mượn những địa danh nổi tiếng, những di tích lịch sử trường tồn cùng với thời gian của tỉnh nhà để thể hiện sự trường tồn của tình yêu đôi lứa:

Anh đứngng Hòn Chông
 Trông sang Hòn Yến
 Lên thăm Tháp Bà
 Về viếng Sinh Trưng
 Non xanh nước biết chạp chùng
 Biết bao liệt nữ anh hùng, em ơi

Em hãy nhận lời
 Cùng anh kết ngãi
 Đầu ghềnh cuối bãi
 Ta hãy nương nhau
 Biển Cù nước mãi còn sâu
 Công linh chẳng trước thì sau cũng thành
 Hay:

Anh đứng ở Nha Trang
 Trông sang Xóm Bóng
 Ánh trăng lờ mờ, lượn sóng lăn tăn.
 Gần nhau chưa kịp nói năng,
 Bây giờ sông cách, biển ngăn ngại ngùng?
 Biển sâu con cá vẫy vùng
 Sông sâu không dễ mượn dòng đưa thư
 Anh nguyện cùng em
 Bao giờ Hòn Chử bề tu
 Biển Nha Trang cạn nước
 Anh mới từ nghĩa em

Hòn Chử : Một hòn đá rất to như một ngôi nhà nằm nơi bãi sông Cù, trên có khắc chữ Chăm cô (qua thời gian nét chữ bị mòn, mất đi nhiều nét). Các nhà khảo cổ học ngờ rằng hòn đá xưa kia nằm trên núi Tháp Bà do đất lở, lăn xuống dòng sông.

Về hôn nhân, gia đình, những câu ca dao, tục ngữ về chủ đề hôn nhân, gia đình biểu hiện các mối quan hệ tốt đẹp giữa tình cảm vợ chồng, cha mẹ, con cái, anh em họ hàng, bà con hàng xóm. Theo Mác những quan hệ giữa người với người, hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn và tinh thần chung của họ thì chia thành những quan hệ vật chất và quan hệ tinh thần. Việc

sản xuất ra của cái vật chất là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, trong tất cả các quan hệ xã hội thì các quan hệ sản xuất, kinh tế là quan hệ quan trọng nhất. Quan hệ sản xuất sẽ quy định tính chất của các quan hệ xã hội khác như chính trị, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo. Trong triết lý của ca dao, tục ngữ Khánh Hòa, tình cảm vợ chồng nghĩa nặng tình thâm, keo sơn gắn bó cũng ví như con đèo sừng sững, ví như hòn đảo trơ trơ giữa biển khơi như thử thách với bao sóng gió quanh năm. Những đức tính quý báu đó đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc và góp phần quan trọng trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Đèo nào cao bằng đèo Rọ Tượng

Nghĩa nào trượng bằng nghĩa phu thê

Tình cảm mặn nồng giữa vợ và chồng còn được ví như sự đậm đà của thời tiết, hương vị đậm đà, đặc trưng của sản vật quý hiếm trong tỉnh.

Tỉnh Khánh Hòa đậm đà mưa nắng

Non chồng nghĩa nặng, nước chứa tình thâm,

Ngon gió bay phảng phát hơi trầm,

Mây xây tháp bút, trăng dằm bến ngân

Về tình cảm mẹ con, ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa không chỉ được sánh với núi cao, biển rộng mà còn, được thể hiện bằng việc làm cụ thể, lao động chăm chỉ để phụng dưỡng mẹ già.

“Cầm cần câu cá liệt xuôi

Nấu canh rau hẹ mà nuôi mẹ già

Như vậy, hôn nhân gia đình trong ca dao tỉnh Khánh Hòa đề cao tình cảm thùy chung son sắc, một vợ một chồng. Kịch liệt phản đối sự dối gian trong hôn nhân, bài trừ các tệ nạn xã hội. Trong ca dao, tục ngữ ít có những lời than thở về tình duyên trắc trở, đổi thay, tan vỡ. Có chăng đó chỉ là lời động viên, nhắc nhở nhẹ nhàng, cung vượt qua khó khăn.

Về lao động sản xuất và các vấn đề khác của cuộc sống:

Kinh nghiệm đó là những kết luận của con người thông qua sự quan sát hiện thực xung quanh. Thực tiễn xã hội cho phép ta thu nhận và khái quát đúng đắn những tài liệu về tự nhiên, xã hội và ý thức của con người. Xét theo ý nghĩa đó thì mọi lý luận khoa học chân chính đều dựa trên kinh nghiệm, đều là sự khái quát và là kết luận rút ra từ kinh nghiệm. Kinh nghiệm là cơ sở của nhận thức, đồng thời là tiêu chuẩn của chân lý.

Nhận thức của con người bắt đầu từ sự quan sát các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan, bằng sự tri giác trực tiếp. Nhận thức dừng lại ở giai đoạn cảm tính thì chỉ mới thấy được những biểu hiện, đặc điểm bên ngoài, chưa phản ánh được bản chất của sự vật, do vậy là nhận thức phiến diện, có thể dẫn đến sự nhầm lẫn hoặc ảo tưởng. Điều đó có nghĩa là nhận thức kinh nghiệm thường ngày không thể ngay lập tức mang lại cái nhìn đúng đắn về bản chất của sự vật và hiện tượng.

Từ lâu đời, cư dân tỉnh Khánh Hòa đã nương tựa vào biển để làm ăn sinh sống, tạo dựng làng mạc quê hương, đắp bồi truyền thống, trao gửi những tình cảm, quan niệm nhân sinh và thế giới tinh thần. Vì vậy, ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa cũng thể hiện kinh nghiệm lao động của nghề biển là chủ yếu:

Đó là triết lý về kinh nghiệm dự báo thời tiết cho việc tổ chức lao động sản xuất, đặc biệt là nghề đi biển:

Tháng giêng động dài

Tháng hai động tố

Tháng ba nồm rộ

Tháng tư nam non

Tháng năm nam tròn

Tháng sáu giã bãi

Tháng bảy mưa rải
 Tháng tám mưa dồn
 Tháng chín mưa tuôn
 Tháng mười lụt lớn
 Tháng một sông cạn
 Tháng chạp lập đông...

Nhiều câu ca dao, tục ngữ ghi lại những kinh nghiệm về đặc điểm, địa hình, địa vật của vùng đất Khánh Hoà: núi cao biển rộng nhiều thác ghềnh như nhắc nhở con người phải thận trọng khi đi vào những địa hình địa vật đó:

- Ngựa Lồng, Trâu Đụng, Giàng Xay
 Khỏi ba thác ấy khoanh tay mà ngồi
 - Mây Hòn Hèo, heo Đất Đỏ”

Triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hoà còn phản ánh những vấn đề khác thuộc đời sống hàng ngày của con người: công việc, ăn chơi, sức khỏe:

Anh ngồi trong bếp lửa đau cái bụng
 Em ngoài cửa nát nửa lá gan
 Biết thuốc chi mà chữa bệnh cho chàng
 Lấy trầm hương cho uống sao chàng vội quên.

Trầm hương quý còn bởi nó được dùng làm thuốc chữa bệnh. Nó gắn bó với con người khi ốm đau, trái gió trở trời, thất thường mưa nắng, với tình chồng, nghĩa vợ sớm hôm, buồn vui, tan hợp. Trầm hương nhắc người ta đừng quên nhân nghĩa, ân tình.

Đó còn là triết lý về sự răn dạy của thế hệ trước đối với thế hệ sau về cách sống, cách ứng xử trong giao tiếp, trong lựa chọn hạnh phúc lứa đôi:

Trai tơ lấy phải nạ dòng
 Tổ tông khiến mặt chó tơ hồng nào xe

Ăn sao cho được của người
 Thương sao cho được vợ người mà thương
 Có lúc đó là triết lý về sự răn dạy con người trong các trò vui chơi giải trí: nên chơi cái gì, không nên chơi cái gì, hậu quả của nó.

Cờ bạc là bác thằng bần
 Cửa nhà bán hết đem thân vào tù
 Anh ơi cần phải đi tu
 Đồng tiền gây cảnh mịt mù tang thương
 Môn xì lát là phường ma dại
 Môn bài cào là quý quái yêu tinh
 Anh đắm say suy sụp gia đình
 Đến khi nghèo khổ kẻ khinh người cười
 Anh vào sòng vui tươi hơn hờ
 Chẳng khác nào rồng hội gặp mây
 Vào sòng một lát sa lầy
 Vô tình đồ nợ bò bầy cũng bay
 Nếu không tính, ăn mày bị gậy
 Trên đường đời anh có thấy hay không
 Ban đầu chơi năm ba đồng
 Théc rồi đánh hết sạch trong gia đình
 Bây giờ anh nghĩ rất thông
 Bỏ nghề cờ bạc vợ chồng ấm no

Những triết lý răn dạy trên đến nay vẫn còn nguyên giá trị và mang tính thời sự sâu sắc trong việc giáo dục con người trước những cám dỗ của cuộc sống trong giai đoạn đất nước đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa giao lưu hợp tác với các nước.

Về ứng xử của con người với môi trường tự nhiên

Như đã đề cập ở trên, cuộc sống mưu sinh của người dân Khánh Hòa gắn liền với biển. Mặc dù nghề biển vất vả gian nan, hiểm nguy luôn rình rập nhưng người dân vẫn thể hiện tình yêu của mình với biển, sống chết với biển. Họ biết ơn trời và các vị thần đã cho những mùa cá bội thu, và sung sướng hạnh phúc trước thành quả lao động của mình:

Ra đi sóng biển mịt mù

Trời cho lưới nặng dô hò ta kéo lên.

Hay đó còn là triết lý ca ngợi tình yêu, tình người gắn liền với những sản vật của biển.

- Đôi ta như cặp cá bè

Lênh đênh trên biển ai dè gặp nhau

- Đôi ta như cặp cá sơn

Ăn trên mặt nước, đợi cơn mưa rào.

- Bao giờ Hòn Chử bề tu

Biển Nha Trang cạn nước anh mới từ nghĩa em

Triết lý về ứng xử của con người với môi trường tự nhiên còn gắn liền giữa tình yêu của con người và các công việc quen thuộc thường ngày của nghề biển.

Anh đừng ham đó, bỏ đặng

Ham lê quên lựu, ham trắng quên đèn.

Những triết lý về ứng xử của con người với môi trường tự nhiên trên đây nay vẫn còn nguyên giá trị và mang tính thời sự sâu sắc trong việc giáo dục con người biết yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường, giữ cho môi trường xanh – sạch – đẹp. Trong giai đoạn đất nước đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa giao lưu hợp tác với các nước thì vấn đề này còn mang tính cần thiết và cấp bách. Nó không chỉ dừng lại ở một địa phương, một quốc gia mà còn mang tính toàn cầu.

Mối quan hệ giữa triết lý ca dao, tục ngữ của tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh lân cận

Văn hóa tỉnh Khánh Hòa, được làm phong phú thêm bởi dòng văn học dân gian, trong đó có sự đóng góp to lớn của ca dao, tục ngữ. Chính vì thế ca dao, tục ngữ Khánh Hòa đã trở thành một bộ phận quan trọng của văn hóa tỉnh nhà.

Ca dao, tục ngữ Khánh Hòa thể hiện sự tổng hợp những kiến thức của nhân dân lao động từ thời xa xưa về những vấn đề về thế giới quan, nhân sinh quan của cuộc sống và lao động sản xuất của con người. Những triết lý ấy như những bài học kinh nghiệm thật đa dạng, phong phú trên tất cả mọi lĩnh vực. Những triết lý ấy không chỉ có ý nghĩa trong quá khứ mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống hiện tại và tương lai.

Mặc dù vẫn còn tồn tại một số khía cạnh mang tính chất duy tâm, siêu hình nhưng nhìn chung ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa hàm chứa những giá trị triết lý sâu sắc và luôn in dấu ấn đậm nét trong đời sống văn hóa của người dân Khánh Hòa.

Với ý nghĩa như vậy, nghiên cứu triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa phải đặt nó trong mối quan hệ với văn hóa của tỉnh và ca dao, tục ngữ các vùng lân cận là miền đất Bình Định, Phú Yên vốn có những nét tương đồng về hoàn cảnh địa lý, xã hội và văn hóa. Chúng ta đã từng gặp những câu ca dao, tục ngữ phản ánh mối quan hệ giao lưu giữa ba miền đất như là một quy luật tất yếu từ bao đời nay.

Tiếng đồn Bình Định tốt nhà

Phú Yên tốt ruộng, Khánh Hòa tốt trâu

Quy luật về tình cảm giữa con người với con người cũng thể hiện mối quan hệ, liên hệ mật thiết giữa các tỉnh:

Anh về Bình Định thăm cha

Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hoà thăm em.

Đây chính là những bằng chứng chứng minh mối liên hệ của nhân dân Khánh Hòa với các tỉnh lân cận từ xưa đến nay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Nghiên cứu triết lý trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa, chúng ta rút ra được những triết lý về vũ trụ quan, nhân sinh quan rõ nét và mang tính đặc thù của người dân Khánh Hòa. Tính triết lý đó được biểu hiện trong mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên, trong quan niệm về đời người và trong các vấn đề về xã hội.

Bên cạnh đó, từ sự nghiên cứu triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa có thể rút ra những giá trị về mặt triết lý trong ca dao, tục ngữ Khánh Hòa: triết lý về thế giới quan, nhân sinh quan, về kinh tế, chính trị, xã hội, về lao động sản xuất và các vấn đề khác của cuộc sống.

Nhận thức không phải để nhận thức mà là để phục vụ cho hoạt động thực tiễn. Từ sự nghiên cứu trên giúp chúng ta khẳng định những giá trị triết lý về ca dao, tục ngữ nói riêng và văn hóa nói chung nhằm kế thừa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống ở tỉnh Khánh Hòa. Nội dung này sẽ được tiếp tục làm rõ ở chương III.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ TRIẾT LÝ TRONG CA DAO, TỤC NGŨ CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

3.1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH GIẢI PHÁP

3.1.1. Cơ sở lý luận

Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về văn hóa

Quan điểm về văn hóa của Chủ nghĩa Mác - Lênin bao hàm khá rộng kể cả lĩnh vực hoạt động vật chất và tinh thần gắn với lịch sử phát triển của con người. Với ý nghĩa đó, văn hóa là phương tiện quan trọng nhất trong tất cả các loại hình hoạt động của con người, đồng thời là kết quả sáng tạo của tất cả các hoạt động đó.

Từ quan niệm trên, văn hóa được xác định trên hai phương diện: Phương diện *thứ nhất*: Văn hóa gắn với sự biểu hiện của phương thức tồn tại người, là sự thể hiện đầy đủ nhất bản chất con người trong tất cả các hoạt động của con người như hoạt động thực tiễn, hoạt động nhận thức, hoạt động giao tiếp, và cả những hoạt động có tính chất thể chất của con người. Như vậy là văn hóa có mặt trong mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, quan hệ giao tiếp, ứng xử, đạo đức, lối sống và cả ở trong mọi khía cạnh, mọi sự tồn tại tinh thần vô cùng đa dạng, phong phú của lĩnh vực tư duy của con người. Phương diện *thứ hai* của văn hóa bao gồm các giá trị do con người sáng tạo ra. Đây là một phương diện quan trọng và cơ bản quy định đặc điểm về nội dung và quy luật của sự phát triển có tính đặc thù của văn hóa. Đó là đặc điểm về sự bảo tồn, duy trì, tích lũy các giá trị; là sự phát triển trên cơ sở kế thừa.

Nói tới giá trị là nói tới mối liên hệ không thể tách rời của văn hóa đối với con người. Trong mối quan hệ này, con người tồn tại với tư cách vừa là

chủ thể của thế giới văn hóa, vừa là khách thể của thế giới văn hóa, lại vừa là đại biểu mang giá trị văn hóa do chính mình tạo ra.

Giá trị có thể hiểu là hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra và được tích lũy trong quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác giữa con người và môi trường tự nhiên - xã hội.

Văn hóa, với cả hai phương diện: tổng hòa các giá trị và phương thức tạo ra các giá trị có thể được phân chia ra hai lĩnh vực là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Sự phân chia này là nhằm mục đích phân biệt các sản phẩm có sự tồn tại dưới hình thức vật thể như các công trình điêu khắc, kiến trúc, hội họa các di tích văn hóa, các khu bảo tồn, bảo tàng, danh lam, thắng cảnh với những sản phẩm văn hóa có sự tồn tại thuần túy tinh thần như trình độ học vấn, trình độ nhận thức, trình độ phát triển khoa học, sự phát triển tư tưởng, tình cảm, năng lực thẩm mỹ, năng lực thụ cảm các giá trị văn hóa và sáng tạo nghệ thuật. Về thực chất, sự phân chia đó chỉ có ý nghĩa tương đối. Văn hóa vật chất thực ra cũng chỉ là sự vật chất hóa các giá trị tinh thần và bản thân các giá trị tinh thần thì không phải bao giờ cũng tồn tại thuần túy tinh thần mà thường được vật thể hóa trong các dạng tồn tại vật chất. Đó là chưa kể đến những giá trị văn hóa tinh thần tồn tại tiềm tàng dưới dạng phi vật thể nhưng vẫn mang tính tồn tại vật chất khách quan như: văn hóa trong các lĩnh vực quan hệ đạo đức, giao tiếp, ứng xử, trong phong cách lối sống, phong tục tập quán...

Từ phương hướng tiếp cận vấn đề bản chất của văn hóa theo quan điểm triết học Mác như đã trình bày ở trên, chúng ta có thể xác định rõ hơn về nhiều vấn đề khác trong lĩnh vực văn hóa: chức năng của văn hóa, văn hóa và phát triển, giao tiếp văn hóa, và sự hình thành nhân cách, tiêu chí của phân loại văn hóa, những vấn đề về bản giá trị, về bản sắc văn hóa. Đặc biệt là về giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, trong đó có ca dao, tục ngữ cả nước

nói chung và ca dao, tục ngữ tinh Khánh Hòa nói riêng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề về văn hoá luôn có một vị trí quan trọng. Những quan điểm của Người về văn hoá là kim chỉ nam để Đảng ta hoạch định chính sách, sách lược để giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa qua các giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước.

Đề cập đến vấn đề này, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những mục tiêu cơ bản mà cách mạng Việt Nam phải đạt được trong lĩnh vực văn hoá đó là: “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc, đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng” [21, tr.173].

Quan điểm trên của Hồ Chí Minh chống lại mọi biểu hiện kỳ thị, độc tôn về văn hoá. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra chủ trương kế thừa truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc phải đi đôi với việc học tập và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại.

Về giá trị văn hoá dân tộc Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin bao nhiêu thì càng phải coi trọng những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cha ông bấy nhiêu” [22, tr. 554]. Người đòi hỏi phải biết giữ gìn vốn văn hoá quý báu của dân tộc, khôi phục những yếu tố tích cực trong kho tàng văn hoá truyền thống của dân tộc, loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Đây là quan điểm bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc có chọn lọc của Hồ Chí Minh.

Sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới ra đời. Hồ Chí Minh rất quan tâm đến những di sản văn hoá dân tộc. Đối với người những

làn điệu dân ca, những án thơ cổ là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần.

Tư tưởng về bảo tồn văn hoá dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khẳng định sự giao thoa giữa các nền văn hoá của các dân tộc khác nhau lại thúc đẩy sự phát triển văn hoá của mỗi dân tộc, làm cho nó hoàn thiện hơn, đầy đủ và phong phú hơn. Người cho rằng: Văn hoá Việt Nam có ảnh hưởng của văn hoá phương Đông và phương Tây. Có cái gì tốt ta phải học lấy để phải tạo ra một nền văn hoá Việt Nam. Nghĩa là phải lấy kinh nghiệm tốt của văn hoá xưa và văn hoá nay trau dồi cho văn hoá Việt Nam có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích vì sao phải giữ gìn, bảo tồn và phát triển văn hóa: “Vi lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người sản sinh ra nhằm thích ứng nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [23, tr 431]

Quan điểm trên của Người chỉ ra nguồn gốc động lực sâu xa của văn hoá đó là nhu cầu sinh tồn của con người với tư cách là chủ thể hoạt động của đời sống xã hội. Theo ý nghĩa này, văn hoá hàm chứa trong mọi lĩnh vực hoạt động kể cả hoạt động tinh thần và hoạt động vật chất cùng với các giá trị vật chất và tinh thần mà con người tạo ra trong hoạt động của mình. Trong đó ca dao, tục ngữ là một bộ phận cấu thành nên nền văn hóa.

Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, cùng với đổi mới về kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp

hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đường lối xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đường lối này được tiếp tục phát triển qua các thời kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng: Tại Đại hội lần thứ VII (6-1991) đã xác định nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc là một trong sáu đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Như vậy, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là một nhiệm vụ trọng yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã chỉ rõ: Nền văn hóa mà Đảng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra nghị quyết riêng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội lần thứ X của Đảng (4-2006) khẳng định: Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Để thực hiện mục tiêu trên, Đảng đề ra các phương hướng, đặc trưng, nhiệm vụ và giải pháp để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam.

Về phương hướng, Đảng chỉ rõ: để xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cần phải tập trung sức mạnh của toàn Đảng, của bộ máy nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội và toàn thể các tầng lớp nhân dân, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động của cá nhân và cộng đồng, phản ánh chất lượng và trình độ sống của xã hội, xây dựng đời sống tinh thần cao đẹp, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực cho sự

nghiệp đổi mới đất nước, làm cho văn hóa thực sự trở thành môi trường nhân văn, trở thành động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Về đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa tiên tiến trước hết là nền văn hóa yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dựa trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hoà giữa tự nhiên với cá nhân và cộng đồng, giữa tự nhiên với xã hội.

Bản sắc văn hóa dân tộc là các giá trị đặc trưng tiêu biểu phản ánh diện mạo, cốt cách của mỗi quốc gia, dân tộc, là dấu hiệu cơ bản để phân biệt nền văn hóa của dân tộc này với dân tộc khác. Bản sắc văn hóa dân tộc thể hiện tập trung trong truyền thống văn hóa dân tộc. Truyền thống văn hóa là các giá trị do lịch sử truyền lại, được các thế hệ sau kế thừa gìn giữ và phát huy trong thời đại của mình, tạo nên dòng chảy liên tục của lịch sử văn hóa. Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Bản sắc văn hóa dân tộc là cơ sở để liên kết xã hội và liên kết các thế hệ, tạo nên sức mạnh tinh thần của dân tộc. Đứng trước sự bùng nổ của cách mạng khoa học - công nghệ và sự tác động của xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa, các quốc gia, dân tộc, nhất là các nước đang phát triển đều ý thức sâu sắc việc bảo vệ, gìn giữ các giá trị đặc sắc và đa dạng của văn hóa dân tộc, chống nguy cơ bị đồng hóa. Vì vậy, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trở thành yêu cầu khách quan và là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam hiện nay.

Về quan điểm chỉ đạo, Đảng chỉ rõ: *Thứ nhất*, văn hóa là nền tảng tinh

thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. *Thứ hai*, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. *Thứ ba*, nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. *Thứ tư*, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Về nhiệm vụ, để xây dựng thành công nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta đã chỉ ra mười nhiệm vụ cụ thể. Trong đó đáng lưu ý là nhiệm vụ phát triển sự nghiệp văn học và nghệ thuật và nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa.

Về nhiệm vụ phát triển sự nghiệp văn học và nghệ thuật. Đảng chỉ rõ: Văn học, nghệ thuật là bộ phận tinh tế và nhạy cảm của văn hóa, thể hiện khát vọng vươn tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ của nhân dân. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp văn học, nghệ thuật là sáng tạo những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục, bồi dưỡng tinh thần, tình cảm, nhân cách và bản lĩnh cho các thế hệ công dân hiện nay. Khuyến khích các tìm tòi, thể nghiệm mọi phương pháp, phong cách sáng tạo, đáp ứng mọi nhu cầu tinh thần lành mạnh của nhân dân. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ nghệ sĩ trước nhân dân, dân tộc và thời đại. Đồng thời bài trừ các khuynh hướng sáng tác suy đồi, phi nhân tính. Đấu tranh chống lại các khuynh hướng sáng tác trái với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Nâng cao thị hiếu thẩm mỹ nghệ thuật cho nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh, thiếu niên, nhi đồng. Khuyến khích các hoạt động văn nghệ quần chúng, tạo điều kiện để nhân dân tham gia sáng tạo, hưởng thụ các giá trị nghệ thuật cao của dân tộc và nhân loại.

Về nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. Di sản văn hóa là tài sản, của cải quý báu kết tinh sự sáng tạo lâu dài của dân tộc do lịch sử để

lại, bao gồm các di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Di sản văn hóa còn là cơ sở để liên kết cộng đồng, là nền tảng để sáng tạo các giá trị văn hóa mới, là tiền đề để mở rộng giao lưu văn hóa với các dân tộc khác trên thế giới. Di sản văn hóa không chỉ nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của nhân dân, góp phần khẳng định niềm tự hào dân tộc, mà còn là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng qua hệ thống di sản văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thế hệ trẻ hiện nay. Vì vậy, đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, nâng cao trách nhiệm của nhân dân đối với việc bảo vệ và phát huy vai trò của di sản văn hóa dân tộc là công việc vừa cơ bản, vừa cấp bách, cần phải được tiến hành nghiêm túc, kiên trì và thận trọng.

Về các giải pháp: Để thực hiện những quan điểm chỉ đạo và các nhiệm vụ nêu trên, Đảng ta đã xác định bốn giải pháp lớn là: Mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với thi đua yêu nước và phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá; Xây dựng, ban hành luật pháp và các chính sách văn hoá; Tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hoá; Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá; Đây là bốn giải pháp lớn có ý nghĩa vừa cơ bản, vừa cấp thiết để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó giải pháp nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đóng vai trò quyết định.

Đại hội lần thứ X (2007) về lĩnh vực văn học, nghệ thuật, một bộ phận tinh tế, nhạy cảm của văn hoá Bộ Chính trị khoá X đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới (2008). Nghị quyết này đã đánh giá tình hình văn học, nghệ thuật thời gian qua, đề ra mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp để tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Những quan điểm chỉ đạo được nhấn mạnh là:

Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hoá; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn, trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển của con người Việt Nam.

Văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế phải được phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ. Phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, có tác dụng to lớn trong việc xây dựng con người; vừa có tác dụng định hướng, vừa đáp ứng nhu cầu văn hoá - tinh thần ngày càng cao của nhân dân. Phát triển sâu rộng văn nghệ quần chúng, đồng thời với việc tập trung xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp. Trên cơ sở giữ gìn, phát triển, phát huy những giá trị của văn học, nghệ thuật dân tộc, tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiên bộ của nước ngoài, đồng thời kiên quyết ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn áp đặt, xâm lăng văn hoá của các thế lực thù địch.

Tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp. Tôn trọng, đảm bảo quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ chính là người chiến sĩ trên mặt trận xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cần phát huy lòng yêu nước nồng nàn, gắn bó máu thịt với nhân dân, nêu cao trách nhiệm công dân, sáng tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị phụng sự đất nước và nhân dân.

Như vậy, quan điểm của Đảng ta về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là quan điểm nhất quán và xuyên

suốt. Trong kho tàng văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, ca dao, tục ngữ giữ một vị trí quan trọng và có sức ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nền văn hóa.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Đời sống văn hóa, các giá trị thực tiễn của tỉnh Khánh Hòa.

Khánh Hòa là vùng đất có điều kiện tự nhiên thuận lợi chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp. Là một tỉnh ven biển Nam Trung bộ, với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên phong phú đa dạng, Khánh Hòa đã hội tụ được các yếu tố của văn hóa: văn hóa núi rừng, văn hóa đồng bằng – sông nước và văn hóa biển đảo.

Trong quá trình phát triển của lịch sử, các thế hệ cư dân Khánh Hòa đã đoàn kết, chung sức, chung lòng trong lao động sản xuất, chiến đấu chống giặc ngoại xâm để xây dựng quê hương giàu đẹp. Với sự pha trộn văn hóa người Chăm bản địa với dân cư từ ngoài Bắc vào cùng với các dân tộc thiểu số khác như Raglai, Ê đê, Gié Trieng, người Hoa đã tạo ra bản sắc văn hóa rất đặc thù của vùng đất này. Họ đã sáng tạo ra các công trình kiến trúc độc đáo với những di tích lịch sử - văn hóa có giá trị, các lễ hội truyền thống độc đáo, văn hóa ẩm thực và những đặc sản quý hiếm.

Về di tích lịch sử - văn hóa ở Khánh Hòa được hình thành từ quá trình lao động cần cù, sáng tạo của các thế hệ là biểu hiện cụ thể và sinh động về một nền văn hóa truyền thống mang tính bản địa sâu sắc, không chỉ giúp chúng ta hiểu biết về quá trình hình thành, phát triển của quê hương, mà còn là biểu tượng rất đỗi tự hào trên quê hương Khánh Hòa. Các di tích lịch sử có thể liệt kê đó là: Tháp Po Nagar (còn gọi là Tháp Bà), thành cổ Diên Khánh, phủ Đường Ninh Hòa, đền thờ Trần Quý Cáp, miếu thờ Trịnh Phong, cụm di tích lưu niệm nhà bác học Yersin, di tích Am Chúa, đình Phú Cang, Lăng Bà Vú, văn Miếu Diên Khánh, đền Hùng Vương, chùa Thanh Triều (còn có tên là

Thanh Sơn), tự Phở Minh Hương, căn cứ cách mạng Hòn Dù, căn cứ cách mạng Tô Hạp, chùa Long Sơn, di tích khảo cổ học Dốc Gạo, thắng cảnh vịnh Nha Trang, thắng cảnh Đại Lãnh.

Về lễ hội của người dân ở Khánh Hòa, lễ hội đình làng là một nét đặc trưng tiêu biểu của cư dân nông nghiệp ở Khánh Hòa gắn với công đức Thành hoàng làng, các tiền hiền, hậu hiền khai khẩn đất đai, có công xây dựng làng, lập ấp. Lễ hội của ngư dân vùng biển, ngoài Thành hoàng làng, còn có thêm tục thờ cá voi, loài cá thường cứu giúp người bị nạn ngoài biển khơi những khi sóng to gió lớn, đồng thời cho ngư dân được mùa biển.

Lễ hội ở Khánh Hòa có nhiều nét độc đáo, mang đậm tính dân gian. Các lễ hội đều xuất phát từ lao động, từ phong tục tập quán, không chỉ thuần túy mang yếu tố tín ngưỡng mà còn là hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần, thể hiện truyền thống tôn kính tổ tiên, “uống nước nhớ nguồn”, tưởng nhớ người có công xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước.

Lễ hội là cầu nối giữa quá khứ với hiện tại. Các sự tích, câu chuyện của mỗi lễ hội được truyền lại từ đời này qua đời khác đã góp phần làm nên bản sắc văn hóa của vùng đất Khánh Hòa. Một số lễ hội tiêu biểu đó là: lễ hội Tháp Bà, lễ hội đình làng nông nghiệp, lễ hội Cầu ngư – Hò Bá Trạo, lễ hội Ăn mừng lúa mới của người Raglai ở Khánh Hòa. Ca dao, tục ngữ cũng phản ánh những di tích và lễ hội trên:

- Ai về Xóm Bóng quê nhà

Hỏi thăm điệu múa dâng Bà còn không

- Ai về Xóm Bóng, Hà Ra

Đi ngang Hòn Chử mà xem Tháp Chàm

Về ẩm thực, là một tinh ven biển có nhiều làng chài nên phong cách ẩm thực ở Khánh Hòa chịu ảnh hưởng sâu sắc từ biển, với nguyên liệu chủ yếu được chế biến từ hải sản. Đồng thời cư dân Khánh Hòa xưa chủ yếu di cư vào

từ các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Quảng Nam và Quảng Ngãi nên phong cách ẩm thực cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các tỉnh trên.

Các món đặc sản của Khánh hòa có thể kể đến: nem Ninh Hòa, bún cá Nha Trang, bánh ướt Diên Khánh, bún sứa. Ngoài ra do sự đa dạng về dân cư của các vùng miền trong cả nước cũng tạo cho Nha Trang phong cách ẩm thực đặc biệt khác hẳn với các địa phương khác trong tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ tiêu biểu là những món ăn như phở Nha Trang, bánh mì Nha Trang, bò nướng Lạc Cảnh. Đề cập đến các món đặc sản của tỉnh, ca dao, tục ngữ có câu:

Đi đâu cũng nhớ Khánh Hòa
Nhớ biển Nha Trang gió mát
Nhớ Ninh Hòa nhiều nem

Đặc sản tạo nên một nét văn hóa đặc trưng của vùng đất Khánh Hòa. Khánh Hòa có hai loại sản vật quý hiếm: Yến sào và trầm hương. Ai đã một lần đặt chân đến Khánh Hòa sẽ còn vang vọng mãi câu ca dao:

Khánh Hòa là xứ trầm hương
Non cao biển rộng người thương đi về

Yến sào (tổ yến) là tên một loại thực phẩm - dược phẩm nổi tiếng được làm hoàn toàn bằng nước bọt của chim yến. Đây là món cao lương mỹ vị tại các quốc gia Đông Á như Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc, Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Khánh Hòa lại là nơi chim yến làm tổ nhiều nhất ở Việt Nam. Hàng năm, Khánh Hòa thu được khoảng hơn 2 tấn tổ yến so với 600 – 700 kg/năm ở Bình Định và Đà Nẵng. Yến sào Khánh Hòa có mùi vị thơm ngon đặc trưng được coi là tổ yến vua và giá cả luôn ở mức cao nhất thế giới.

Trầm hương là một sản phẩm đặc biệt được tạo thành từ cây Dó Bầu. Qua thời gian, những tác động sinh học đã giúp cây Dó tạo trầm hương hoặc kỳ nam. Trầm kỳ là sản vật quý giá, là hương liệu, dược liệu. Trong y học dân

tộc, trầm hương là một vị thuốc quý dùng chữa nhiều loại bệnh. Ngoài ra, trầm hương còn dùng làm hương liệu, mỹ phẩm, dùng để chế biến các loại giấy quý có mùi mật hương và nhang xuất khẩu, dùng trong các dịp đại lễ, cúng tế. Việc đốt trầm hương trong các đền đài, nơi thờ cúng được coi như hình thức dâng cúng linh thiêng cao quý nhất. Ca dao, tục ngữ có câu:

Anh ngồi trong bếp lửa đau cái bụng
Em ngoài cửa nát nửa lá gan
Biết thuốc chi mà chữa bệnh cho chàng
Lấy trầm hương cho uống sao chàng vội quên.

Như vậy, ngoài những mặt giá trị phổ quát (lịch sử, văn hóa và khoa học), ngày nay di sản văn hóa phi vật thể nói chung và ca dao, tục ngữ nói chung còn được nhìn nhận như một loại tài sản đặc biệt mà về mặt giá trị không hề bị suy giảm, ngược lại còn được gia tăng theo thời gian vì đây là loại tài sản mà giá trị không thể tái sinh, không thể thay thế, đây là loại tài sản có tiềm năng khai thác không bao giờ cạn kiệt, khai thác nhiều lần, khai thác qua nhiều thế hệ kế tiếp.

Những yếu tố tích cực và hạn chế của việc giữ gìn và phát huy các giá trị triết lý trong ca dao, tục ngữ của tỉnh Khánh Hòa.

Toàn cầu hóa là quá trình tất yếu không thể chối bỏ, mà ngược lại, chúng ta phải chủ động hội nhập để tranh thủ tận dụng những cơ hội mà nó đưa lại nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Nhưng toàn cầu hóa cũng để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng nếu chúng ta không có nguồn nội lực đủ mạnh, hoặc không đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng cao, cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các quốc gia chỉ có thể xây dựng nguồn nội lực đủ mạnh trên cơ sở một nền tảng tinh thần thật vững chắc, đó là bản sắc văn hóa dân tộc và tính thống

nhất trong đa dạng văn hóa. Điều này càng khẳng định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của di sản văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Cả nước đang tiến hành hội nhập, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tỉnh Khánh Hòa cũng đang chuyển mình theo nhịp đập chung của đất nước. Về văn hóa, văn học dân gian, ca dao, tục ngữ nói chung và triết lý trong ca dao, tục ngữ nói riêng trong quá trình bảo tồn và phát triển có những điểm tích cực và hạn chế sau:

Về mặt tích cực, hiện nay tỉnh Khánh Hòa còn lưu giữ được khá nhiều lễ hội mang đậm nét văn hóa bản địa: tục thờ cúng trong tín ngưỡng dân gian như: lễ tế đình làng, lễ hội cầu ngư với tục thờ cá voi, tục thờ Thiên Y Thánh Mẫu với nhiều truyền thuyết như: Lễ hội Am Chúa, lễ hội Tháp Bà - Nha Trang. Thông qua đó đã làm sống lại các câu ca dao, tục ngữ gắn liền với các lễ hội trên.

Góp phần lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh đã có những công trình sưu tầm nghiên cứu về tục thờ, lễ hội dân gian, nghiên cứu lễ hội cung đình, đình làng Khánh Hòa, lễ hội cầu ngư và sưu tầm khôi phục hò bá trạo, lễ “kỳ an tá thổ”, tục thờ Thiên Y Thánh Mẫu, Trần Hưng Đạo...

Bên cạnh đó, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh cũng đã hoàn thành đề tài “Những ngôi chùa và tục thờ của cộng đồng người Hoa ở Khánh Hòa” vào cuối năm 2006. Những ngôi chùa cổ trên địa bàn tỉnh sẽ được khảo sát từ cách bài trí, hình dáng, lịch sử hình thành, nguy cơ xuống cấp... để từ đó tìm ra giải pháp bảo vệ và duy trì. Bên cạnh đó, đề tài cũng đi sâu vào nghiên cứu những tục thờ cúng của cộng đồng người Hoa, tục thờ Quan Thánh Đế Quân (Quan Công), Thiên Hậu Thánh Mẫu...

Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh cũng đã tiến hành các công trình nghiên cứu, ghi chép, sưu tầm và lưu giữ được hàng ngàn các bản dịch câu đối và văn tế, đồ vật thờ cúng cùng các điệu múa Bóng, múa Siêu, câu hò... Các công trình sau khi hoàn thành đã góp phần làm cho các hoạt động lễ hội trong các đình làng bài bản hơn, không còn mang nặng tập tục mê tín dị đoan như trước. Đặc biệt, một số lễ hội đã được phục hồi nguyên bản, tái hiện trọn vẹn hình ảnh, tập tục thờ cúng của người dân địa phương; đồng thời được nâng lên thành những lễ hội chính ở Khánh Hòa như lễ hội cầu ngư, lễ hội tháp Bà - Nha Trang, Am Chúa... Ngoài việc phục dựng lễ hội một cách hoàn chỉnh, theo đúng nguyên bản, một số lễ hội còn được nâng lên yếu tố hiện đại.

Thông qua Nhà hát nghệ thuật truyền thống, nhiều điệu hò (bá trạo), Múa Bóng, Múa Siêu... cùng với những câu chuyện quen thuộc đã ăn sâu vào lòng người đã tạo nên sự thích thú cho người xem. Nhà hát nghệ thuật truyền thống Khánh Hòa đã về các địa phương trình diễn nhiều chương trình như: Vua Hùng kén rể, Chung Vô Diệm, Huyền thoại mẹ xứ sở, Tam anh chiến, hò bá trạo... để người dân ở khắp các vùng miền có cơ hội thưởng thức.

Trong năm 2007, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh đã thực hiện đề tài “Hệ thống nhà cổ ở Khánh Hòa” và đề tài sưu tầm, bảo tồn, nghiên cứu và phát huy các vốn văn hóa truyền thống của dân tộc Răglai (giai đoạn 2007 - 2010).

Như vậy, thông qua những công trình sưu tầm nghiên cứu về tục thờ, lễ hội dân gian, nghiên cứu lễ hội cung đình, đình làng Khánh Hòa, lễ hội cầu ngư và sưu tầm khôi phục hò bá trạo, tục thờ Thiên Y Thánh Mẫu, Trần Hưng Đạo... đã làm sống lại những câu ca dao, tục ngữ gắn liền với các lễ hội trên cũng như những triết lý của người dân Khánh Hòa nói chung.

Về phía Ủy ban nhân dân tỉnh, kể từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ban hành Nghị Quyết Trung ương 5 về “Xây dựng và phát

triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra chương trình hành động về xây dựng và phát triển nền văn hóa tỉnh Khánh Hòa theo hướng tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Năm 2012, lần đầu tiên Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có sự thay đổi về quy chế tặng thưởng Văn học nghệ thuật. Theo đó, các tác phẩm tham gia xét tặng sẽ được đánh giá, xét duyệt theo từng chuyên ngành nhằm đảm bảo sự công bằng và chất lượng. Chính vì vậy mà tại lễ trao giải văn học nghệ thuật vừa qua, 17 tác phẩm của 18 tác giả được tặng thưởng năm nay đã nhận được sự đồng tình của giới văn nghệ sĩ. Hầu hết các tác phẩm có giá trị cao về nội dung và hình thức nghệ thuật. Các tác phẩm bám sát hơi thở cuộc sống, phản ánh được nhiều góc nhìn đa dạng về mảnh đất và con người trên vùng đất Khánh Hòa.

Về phía Hội Văn học - Nghệ thuật Khánh Hòa đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy mở lớp tập huấn quán triệt trong Ban Chấp hành và hội viên của hội. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của từng chuyên ngành nghệ thuật, Hội đã xây dựng, đề ra kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng, phát triển văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh. Một trong những điểm mạnh của lực lượng văn nghệ sĩ trong tỉnh là việc tham gia các phong trào sáng tác, nghiên cứu. Mỗi năm có hàng trăm tác phẩm thuộc nhiều thể loại, nhiều chuyên ngành được xuất bản, triển lãm, dàn dựng hoặc phổ biến dưới các hình thức khác nhau, trong số đó không ít tác phẩm đã đạt giải thưởng do Trung ương trao tặng.

Đối với Chuyên ngành Văn học, bên cạnh việc tích cực tham gia các hoạt động như kỷ niệm các ngày lễ lớn cũng như phục vụ những nhiệm vụ chính trị, Chi hội Văn học đã đóng vai trò nòng cốt trong việc giao lưu, giới thiệu các hoạt động văn học nghệ thuật của tỉnh đến với bè bạn gần xa. Cùng với nhiều tác phẩm được đăng tải trên các báo, tạp chí, 15 năm qua, anh chị

em trong Chi hội đã có trên 300 tác phẩm được xuất bản thành sách, với sự đa dạng về thể loại, như : nghiên cứu phê bình, tiểu thuyết, tập bút ký, truyện ký, hồi ký, tập thơ, tập truyện dịch... Trong đó, một số tác phẩm đã được tặng giải thưởng qua các cuộc thi do các báo, tạp chí tổ chức.

Đối với chuyên ngành Sân khấu, cùng với việc sáng tác gần 40 kịch bản sân khấu, dàn dựng hàng chục tác phẩm sân khấu, kịch bản điện ảnh, hội viên trong Chi hội Sân khấu đã có nhiều công trình nghiên cứu, lý luận và kịch bản được xuất bản. Mỗi năm tham gia thực hiện hàng trăm buổi biểu diễn phục vụ nhân dân trong tỉnh. Đặc biệt, tại các cuộc Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc, Hội viên thuộc Chi hội sân khấu đã liên tục đạt nhiều Huy chương Vàng, Huy chương Bạc

Đối với Văn nghệ dân gian, đây là chuyên ngành mặc dù có số hội viên ít nhất trong các Chi hội, tuy nhiên, những năm qua, Chi hội luôn thể hiện tinh thần say mê, tâm huyết với sự nghiệp sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến vốn văn hóa - văn nghệ dân gian ở địa phương. Chi hội có 30 công trình nghiên cứu, trong đó một số đã được đăng báo hoặc được xuất bản thành sách, nhiều công trình đã được Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trao tặng giải thưởng. Trong đó đáng chú ý là các công trình nghiên cứu về ca dao, tục ngữ dưới góc độ văn học, sưu tầm và biên soạn lại các bài ca dao, hò vè ở nhiều địa phương trong tỉnh đang có nguy cơ bị thất truyền.

Như vậy, với những thành quả đạt được, hoạt động Văn học nghệ thuật nói chung và ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa nói riêng tiếp tục có những chuyển biến mới, đạt được nhiều thành tích trong tương lai. Các tác phẩm đã bám sát các nhiệm vụ chính trị, phản ánh được những tâm tư tình cảm cũng như cuộc sống lao động chân thật của người dân trên mảnh đất Khánh Hòa, qua đó để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng công chúng.

Tuy nhiên trước thách thức toàn cầu hóa cùng với quá trình công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, văn hóa truyền thống Khánh Hòa nói chung và ca dao, tục ngữ nói riêng đang đứng trước những thách thức nghiêm trọng. Thực tế, trong thời gian qua, vấn đề bảo tồn văn hóa truyền thống của tỉnh vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

Về mặt hạn chế, xuất phát từ quan điểm phát triển bền vững, những yếu tố cần quan tâm trong quá trình phát triển bền vững của một quốc gia đó là: tốc độ tăng trưởng kinh tế, tiếp theo là yếu tố văn hóa mà cốt lõi là bản sắc văn hóa dân tộc và cuối cùng là yếu tố môi trường sinh thái. Phát triển kinh tế, cải thiện điều kiện sống mới chỉ đáp ứng nhu cầu của con người về mặt sinh học, tạo cho họ thể chất tốt, nhưng con người sống không chỉ để sống mà cần lao động sáng tạo và có những cống hiến. Điều này chỉ có thể thực hiện được thông qua giáo dục, đào tạo, nâng cao năng lực sáng tạo và cả sự phong phú, đa dạng trong đời sống tinh thần. Đây chính là những nhân tố quyết định nguồn nhân lực có chất lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cũng như tạo ra bản lĩnh cho cả dân tộc bước vào hội nhập quốc tế mà không sợ bị hòa tan.

Trước những thách thức do toàn cầu hóa cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước đặt ra hai xu hướng giải quyết với hai hệ quả tích cực và tiêu cực kèm theo. Thứ nhất, nếu chúng ta đủ bản lĩnh vững vàng, có chính sách đúng đắn và giải pháp phù hợp để khắc phục thì thử thách hoàn toàn có thể biến thành cơ hội. Thứ hai, một khi không vượt qua được thử thách thì không chỉ di sản văn hóa sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng mà đi liền với nó là các truyền thống, các lễ hội, các câu chuyện dân gian trong đó có ca dao, tục ngữ gắn liền với các di sản văn hóa cũng dần bị mai một. Nguy hiểm hơn nữa, do cơ chế thị trường, chạy theo lợi nhuận kinh tế thuần túy mà nhiều lễ hội văn hóa truyền thống ở đình, đền, chùa... đã bị thương mại hóa, biến chất bởi các hoạt động vì lợi ích trước mắt của các cá nhân.

Như C. Mác và Ăngghen đã nhận xét: “Đó là một thứ tự do mậu dịch không có lương tâm, nó làm cho quan hệ giữa người với người chìm xuống dòng nước lạnh giá của sự tính toán ích kỷ, bởi vì ngoài lời ích trần trụi và lối tiền trao cháo múc lạnh lùng đến vô tình thì nó chẳng có mối liên hệ nào khác nữa [26, tr.600].

Những năm qua, tỉnh Khánh Hòa đã sưu tầm, tuyển chọn, biên tập và xuất bản một số bài, câu ca dao, tục ngữ nhưng chưa thật đầy đủ, chưa khoa học, chưa có cách bảo quản khoa học, chưa có hệ thống. Cách tuyên truyền, phổ biến ca dao, tục ngữ như một phương tiện để bảo tồn nó còn nhiều hạn chế, chưa phổ biến sâu rộng đến mọi tầng lớp và lứa tuổi trong xã hội.

Những nguyên nhân

Những thành công và hạn chế trong công tác bảo tồn triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa trên do các nguyên nhân như sau:

Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa đã đạt được những mặt tích cực do các nguyên nhân sau:

Một là, trong những năm qua hòa trong không khí thực hiện Nghị quyết TW5 khóa VIII của cả nước, các thể hệ lãnh đạo của tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo tồn văn hóa phi vật thể nói chung và ca dao, tục ngữ của tỉnh nói riêng.

Hai là, các hoạt động văn hóa văn nghệ được tỉnh chú trọng đến chất lượng, đăng cai và tổ chức nhiều sự kiện lớn trên phạm vi cả nước và quốc tế, qua đó tỉnh tranh thủ quảng bá những đặc trưng và ưu thế của tỉnh trong đó có ca dao, tục ngữ. Chẳng hạn để quảng bá sản phẩm trầm hương, trong các bài phát biểu, các bài tham luận thường nhắc đến câu ca dao:

Khánh Hòa là xứ Trầm hương

Non cao biển rộng người thương đi về

Ba là, các cá nhân trong tỉnh, đặc biệt là các văn nghệ sỹ cũng đã bắt đầu chuyển hướng sang khai thác văn học dân gian của tỉnh trong đó có nhiều bài viết, bài bình luận về ca dao, tục ngữ của tỉnh dưới góc độ văn học và khái quát giá trị của ca dao, tục ngữ đối với sự phát triển của tỉnh nhà.

Bốn là, trong các trường học trên địa bàn toàn tỉnh đã có những công trình nghiên cứu văn học dân gian và vận dụng văn học dân gian để làm rõ và làm phong phú thêm những kiến thức trong các môn học.

Bên cạnh, những thành tích, khối lượng các bài, các câu ca dao, tục ngữ đã sưu tầm và bước đầu phát huy giá trị. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa còn có những hạn chế là do:

Thứ nhất, tốc độ phát triển kinh tế quá nhanh do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa có thể dẫn tới tình trạng một số di tích, danh lam thắng cảnh bị đô thị hóa. Theo đó các câu ca dao, tục ngữ của tỉnh Khánh Hòa gắn liền với nó cũng dần dần bị lãng quên theo thời gian.

Thứ hai, quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hóa và đô thị hóa, con người bị cuốn vào các hoạt động kinh tế, các ngành kinh tế mang lại thu nhập cao. Điều này dẫn đến hệ lụy là nguồn nhân lực phục vụ cho công tác bảo tồn ca dao, tục ngữ bị hạn chế, trang thiết bị đầu tư cho công tác bảo tồn ít được đầu tư, các hoạt động quảng bá, tuyên truyền ca dao, tục ngữ theo đó cũng giảm dần. Hàng năm, tỉnh chỉ có một vài lễ hội truyền thống được tổ chức trong đó có quần bá ca dao, tục ngữ như: Hò bá trạo, Lễ hội Tháp bà Ponaga, lễ hội bài chòi...

Thứ ba, trong lĩnh vực văn hóa nói chung và ca dao, tục ngữ nói riêng, tỉnh Khánh Hòa còn chịu những áp lực lớn từ bên ngoài. Ngành kinh tế mũi nhọn trong tỉnh là du lịch, vì vậy về phía tỉnh thì chú trọng phát triển du lịch, các cá nhân thì chạy theo làm du lịch. Do đó là sự áp đặt có chủ đích lối sống phương Tây xa lạ với phong tục, tập quán của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Mặt khác trong xu thế hội nhập, tiếp thu thiếu chọn lọc những yếu tố văn hóa ngoại lai trong lớp trẻ hiện nay cũng là nhưng nguyên nhân làm quên lãng dần các bài, câu ca dao, tục ngữ của tỉnh.

Thứ tư, do địa bàn tỉnh Khánh Hòa là trung tâm của các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên nên sự giao lưu văn hóa giữa cộng đồng các dân tộc ở Khánh Hòa diễn ra mạnh mẽ. Trong những năm qua do kinh tế phát triển, giao thông mở rộng nên điều kiện giao lưu văn hóa giữa cộng đồng các dân tộc thuận lợi hơn, thường xuyên hơn. Đó là một xu hướng tiến bộ, nhưng nếu thiếu định hướng và không có sự điều tiết kịp thời cũng rất dễ đưa tới sự đồng hóa về văn hóa, làm mất dần đi những câu ca dao, tục ngữ mang những nét đặc trưng của tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy vấn đề đặt ra đối với toàn tỉnh trong công tác bảo tồn văn hóa là tìm ra các giải pháp phù hợp.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

3.2.1. Giải pháp

Giải pháp xây dựng các chính sách

Chú trọng chính sách lồng ghép với chính sách ưu đãi đối với những người làm công tác bảo tồn triết lý trong ca dao, tục ngữ của tỉnh. Tạo cho họ có cuộc sống đảm bảo để họ yên tâm là công tác bảo tồn triết lý ca dao, tục ngữ của tỉnh.

Xây dựng chính sách cần hướng tới chính sách đặc thù cho việc bảo tồn và nâng cao đời sống văn hóa cho người dân. Trong đó chú ý chính sách khuyến khích các cá nhân đang sở hữu các bài ca dao, tục ngữ, khuyến khích lớp trẻ tiếp thu các bài ca dao, tục ngữ dưới nhiều hình thức.

Cần xây dựng chính sách đặc biệt đối với các công trình nghiên cứu triết lý trong ca dao, tục ngữ. Chính sách phải thể hiện cụ thể thành các đề án đặt hàng cụ thể cho các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực và cơ sở trang thiết bị, các công trình nghiên cứu khoa học các cấp: nghiên cứu các phần mềm

thuận lợi cho việc lưu trữ, tra cứu và sử dụng ca dao, tục ngữ, đặt hàng các website để phổ biến triết lý trong ca dao, tục ngữ gắn với hoạt động quảng bá du lịch.

Chính sách nghiên cứu hỗ trợ, khuyến khích phục dựng một số sinh hoạt diễn xướng dân gian. Không thể phủ nhận những cố gắng cũng như những thành tựu rất đáng khích lệ của các hội diễn văn nghệ quần chúng, các chương trình ghi âm, ghi hình trong việc bảo tồn, lưu giữ ca dao, tục ngữ. Các chương trình sinh hoạt dân gian mang tính chất đặc thù, ở đó người bình dân là những diễn viên cũng đồng thời là khán giả. Họ vừa say sưa thưởng thức vừa thăng hoa sáng tạo. Người ta không nhắc đến bảo tồn ca dao, tục ngữ, không xây dựng chương trình tái hiện sinh hoạt dân gian, mà kỳ thực họ đang bảo tồn, giữ gìn, tái hiện những câu ca dao, tục ngữ đó của tiền nhân trong môi trường đích thực, sống động của đời sống thường ngày. Trong khoảng trên dưới 10 năm trở lại đây có những tín hiệu rất đáng mừng với việc người dân đã bắt đầu ý thức rõ hơn trong việc bảo tồn ca dao, tục ngữ, tự nguyện tổ chức một số lễ hội, sinh hoạt văn hóa, đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, giải trí như lễ cúng cá Ông và hát múa Hò bá trạo ở thành phố Nha Trang, lễ hội kate ở tháp bà Ponaga...

Giải pháp giáo dục, tuyên truyền

Muốn bảo tồn di sản văn hóa, trước hết phải nắm vững vốn văn hóa dân tộc mà ta đang kế thừa và đặc biệt là phải nhận biết những giá trị văn hóa tiêu biểu cần được bảo vệ và phát huy. Triết lý trong ca dao, tục ngữ muốn bảo tồn cũng phải tuân theo quy luật trên.

Triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa muốn tồn tại phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức và hành vi của các chủ thể sáng tạo và chủ sở hữu. Triết lý trong ca dao, tục ngữ là trường hợp cá biệt, chủ thể sáng tạo văn hóa và chủ sở hữu là một cộng đồng cư dân, thi ý chí, khát vọng, nhu cầu, thậm

chí lợi ích của họ cũng có tác động không nhỏ đến sự tồn vong của triết lý trong ca dao, tục ngữ. Người dân Khánh Hòa cũng chính là nhân tố quyết định đến nội dung bảo tồn, phương cách bảo tồn, sử dụng và khai thác ca dao, tục ngữ nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cá nhân và cộng đồng.

Giáo dục và tuyên truyền triết lý trong ca dao, tục ngữ có ý nghĩa to lớn. Nó giúp cho con người ở hiện tại khai thác kho tàng tri thức của dân gian ngày trước. Đó là triết lý về môi trường tự nhiên, về lao động sản xuất, về điều trị bệnh và về ứng xử xã hội, quản lý cộng đồng...

Triết lý ca dao, tục ngữ của tỉnh Khánh Hòa không chỉ gắn bó với các chủ thể văn hóa mà còn hòa quyện vào không gian sinh thái, nơi chúng được sáng tạo ra và đang hiện diện, tiến triển trong đời sống đương đại của cộng đồng. Điều này cho thấy các thể hệ hiện tại phải có trách nhiệm chọn lựa để bảo tồn, chuyển giao và trên cơ sở kế thừa có chọn lọc. Không những thế mà còn phải luôn sáng tạo những giá trị văn hóa mới, bổ sung làm cho kho tàng ca dao, tục ngữ của tỉnh nhà ngày càng phong phú và đa dạng hơn. Đó là con đường phù hợp với quy luật sáng tạo và phát triển của các giá trị văn hóa phi vật thể, của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quá trình giao lưu và hợp tác diễn ra mạnh mẽ không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn có cả lĩnh vực văn hóa trong đó có ca dao, tục ngữ. Vì vậy, công tác giáo dục, tuyên truyền ca dao, tục ngữ càng mang tính cấp bách và cần thiết. Chỉ có thông qua giáo dục và tuyên truyền mới nhanh chóng giữ lại những triết lý trong ca dao, tục ngữ đang có nguy cơ bị mai một, ngày càng bị lãng quên và đồng hóa giữa các vùng miền.

Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách về lĩnh vực này.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác bảo tồn ca dao, tục ngữ là

giúp họ trở thành những người có tri thức, có chuyên môn, quan tâm và có tâm huyết với ca dao, tục ngữ. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra trong giai đoạn hiện nay của tỉnh.

Công việc bảo tồn và phát huy giá trị triết lý trong ca dao, tục ngữ chỉ có thể đạt hiệu quả cao trong sự tổ chức có hệ thống, chặt chẽ và sự phối hợp đồng bộ của chính quyền địa phương, các cơ quan, ban, ngành, đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa cơ sở và sự tự nguyện tham gia của người dân.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác bảo tồn ca dao, tục ngữ cần chú ý đến các cán bộ văn hóa cấp xã, phường là những người gần gũi với dân, nắm bắt mọi diễn biến của đời sống của người dân. Do đó, hơn ai hết, họ là người có thể làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức tự giác của người dân trên địa bàn quản lý của mình trong việc sưu tầm, bảo tồn ca dao, tục ngữ. Chính nhân dân là người có thể kịp thời phát hiện sớm nhất những mai một của ca dao, tục ngữ và cũng là những người trực tiếp giúp đỡ cán bộ chuyên trách làm tốt nhiệm vụ của mình.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác bảo tồn ca dao, tục ngữ không chỉ trang bị một khối lượng kiến thức lý thuyết, mang tính tổng hợp về ca dao, tục ngữ mà còn phải chú trọng đến kỹ năng vận dụng những tri thức ấy vào thực tế chuyên môn. Thực tế, nhiều cán bộ chuyên trách giỏi về lý thuyết nhưng lại không vận dụng được trong công việc thực tế của mình. Đó là chưa kể đến chất lượng đào tạo cán bộ cũng bộc lộ nhiều vấn đề bất cập, và đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho chất lượng cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc hiện tại.

Vì vậy, bản thân các cán bộ làm công tác bảo tồn phải tích cực trải nghiệm, thường xuyên tham gia vào các hoạt động của địa phương, tìm hiểu các truyền thống, phong tục, tập quán của địa phương để có phương pháp làm việc phù hợp. Bảo tồn ca dao, tục ngữ sẽ không thực hiện được nếu không đi

vào đời sống của người dân bởi lẽ ca dao, tục ngữ hình thành từ đời sống của họ.

Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động về sưu tầm và phổ biến.

Trước đây, việc ghi chép tuy có những hạn chế nhất định, nhưng đã giúp tình lưu giữ được một khối lượng ca dao, tục ngữ rất đáng kể. Ngày nay, có nhiều thiết bị máy móc hiện đại như máy tính, máy ảnh, máy ghi âm, máy quay camera, công việc sưu tầm ca dao, tục ngữ sẽ mang lại hiệu quả to lớn khi chúng ta huy động được nhiều thành phần tham gia như: học sinh, sinh viên, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý, những người làm công tác bảo tồn di sản văn hóa và đặc biệt là nhân dân ở các địa phương. Ngoài việc thu thập nguồn tư liệu ở các thư viện Trung ương, Thư viện quốc gia, Kho Lưu trữ quốc gia, Thư viện Tỉnh, các website, kho sách ở địa phương,... cần thiết phải tiến hành sưu tầm một cách có hệ thống toàn diện trên toàn địa bàn toàn tỉnh và lưu trữ một cách cẩn thận.

Tuy nhiên, khi tiến hành sưu tầm cần chú ý cả chiều rộng và chiều sâu, vừa sưu tầm trên phạm vi toàn tỉnh vừa chú trọng đến các bài ca dao, tục ngữ đang có nguy cơ bị mai một. Vấn đề quan trọng đặt ra đối với những người tham gia sưu tầm là tôn trọng khách quan, ghi chép một cách trung thực, đầy đủ và thận trọng, tránh sự ngụy tạo.

Ngoài việc tiếp tục sưu tầm các bài ca dao, tục ngữ cần mời các nhà khoa học, các chuyên gia tuyển chọn, dịch thuật, chú thích, chú giải, để giới thiệu được một cách cơ bản và khái quát nhất về triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa.

Cần tiếp tục biên soạn bộ sách, cần có một cơ quan đứng ra làm đầu mối hoặc thành lập một tổ chức để tập hợp các nhà khoa học, các chuyên gia đảm nhiệm từng nội dung công việc. Bộ sách tư liệu này xuất bản sẽ giúp ích

nhieu cho vấn đề tra cứu, tìm hiểu về ca dao, tục ngữ của tỉnh. Về vấn đề này, cần tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài.

Ngoài việc biên soạn bộ sách, tỉnh nhà cần đầu tư xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm băng đĩa ghi âm, ghi hình và đưa vào kho lưu trữ để bảo quản lâu dài.

Giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể

Ba trụ cột quan trọng cũng là ba thành tố cấu thành văn hóa Việt Nam là: Gia đình - Làng và Nước. Mỗi người Việt Nam đều sống trong quan hệ chặt chẽ giữa Nhà (gia đình) với Làng xã và Nhà nước. Triết lý trong ca dao, tục ngữ hình thành từ gia đình, từ làng mà ra nên việc phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể có ý nghĩa quan trọng trong công tác bảo tồn triết lý trong ca dao, tục ngữ. Trong gia đình Việt Nam vai trò người vợ, người mẹ có vị trí đặc biệt quan trọng. Vì trong văn hóa gia đình, người Việt tập trung vào mối quan hệ vợ chồng, bố mẹ, con cái, anh chị em ruột thịt và dòng họ. Trong quan hệ gia đình, dòng họ và làng xóm, người già, người cao tuổi luôn được kính trọng. Đó cũng là đặc trưng nổi trội trong văn hóa gia đình. Ca dao, tục ngữ cũng hình thành và hướng tới các giá trị đạo đức truyền thống ấy. Nhiều gia đình giáo dục con cái thông qua các câu ca dao, tục ngữ, quảng bá bề dày lịch sử của làng của nước cũng thông qua các câu ca dao, tục ngữ.

Ca dao, tục ngữ có đặc điểm là chúng tồn tại sống động trong cộng đồng. Vì vậy giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể là cách lưu giữ tốt nhất cho loại hình di sản đó trong hiện tại và cả trong tương lai. Muốn thực hiện giải pháp giáo dục và tuyên truyền có hiệu quả thì phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, sự tham gia và kết hợp của nhiều cơ quan, đoàn thể, của nhà trường và gia đình có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong bảo tồn triết lý trong ca dao, tục ngữ. Muốn vậy, ca dao, tục ngữ cần phải đưa vào chương trình giáo dục ở các cấp học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông đến các

trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp trên toàn tỉnh. Đây cũng chính là thực hiện nhiệm vụ dạy học: Học đi đôi với hành, lý luận liên hệ với thực tiễn.

Bên cạnh đầu tư kinh phí cho các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể đã thất truyền hoặc có nguy cơ bị mai một được ưu tiên hàng đầu thì nhất thiết phải mở rộng các hình thức xã hội hóa để mọi người dân, mọi tổ chức xã hội có thể tham gia vào hoạt động bảo tồn ca dao, tục ngữ của tỉnh. Xã hội hóa có thể thực hiện bằng nhiều hình thức: Tổ chức các cuộc thi sưu tầm ca dao, tục ngữ cho mọi đối tượng, các cuộc thi tìm hiểu về ca dao, tục ngữ gắn với các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh, tuyên truyền các câu ca dao, tục ngữ mới sưu tầm được qua các kênh thông tin đại chúng

Các tổ chức liên quan đến bảo tồn ca dao, tục ngữ: hội văn học nghệ thuật, hội nhà báo, hội mỹ thuật, hội nhiếp ảnh có vai trò quan trọng trong bảo tồn ca dao, tục ngữ. Chẳng hạn việc tiến hành triển lãm ảnh gắn liền với các câu ca dao, tục ngữ, biểu diễn miễn phí các truyền thuyết, các loại hình nghệ thuật truyền thống thu hút đông đảo quần chúng tham gia, qua đó góp phần bảo tồn ca dao, tục ngữ. Đây là cách thức tốt nhất để khán giả, nhất là lớp trẻ tiếp xúc trực tiếp với nghệ thuật dân tộc, qua đó, khơi dậy ở họ tình cảm, lòng say mê nghệ thuật truyền thống. Chính từ những buổi xem trình diễn như vậy, nhiều người sẽ yêu thích, tự nguyện đến với các loại hình nghệ thuật truyền thống và góp công sức vào việc bảo tồn di sản ca dao, tục ngữ của địa phương mình.

Cần đánh giá hết chức năng và khả năng của các bảo tàng với tư cách là một loại thiết chế văn hóa đặc thù trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, mà cụ thể là khả năng tổ chức không gian văn hóa để trình diễn các loại hình nghệ thuật dân gian. Bảo tàng không chỉ có chức năng bảo vệ phát

huy di sản văn hóa vật thể mà cái cốt lõi, cái tinh túy nhất trong di sản văn hóa vật thể lại chính là các giá trị văn hóa phi vật thể trong đó có triết lý trong ca dao, tục ngữ. Khả năng của bảo tàng là tạo lập không gian cho việc tiếp cận, giao tiếp, đối thoại giữa công chúng với sưu tập hiện vật và giữa công chúng với nhau, khiến bảo tàng có thể chủ động tham gia vào việc bảo vệ di sản văn hóa, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về các giá trị di sản văn hóa.

Như vậy, để bảo tồn triết lý trong ca dao, tục ngữ ở tỉnh Khánh Hòa hiện nay không phải thực hiện riêng lẻ từng giải pháp mà phải tiến hành đồng bộ các giải pháp như trên. Cũng không phải là trách nhiệm của một số các cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn mà cần có sự góp sức của tất cả mọi người trong đó cần có sự chủ trì, chỉ đạo, định hướng của các cơ quan chức năng của tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch. Vì vậy, trên cơ sở tìm hiểu những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế và các nguyên nhân trong công tác bảo tồn triết lý trong ca dao, tục ngữ đề tài kiến nghị với các cơ quan chức năng như sau:

3.2.2. Kiến nghị

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh cần đề xuất một số kiến nghị và giải pháp đối với cấp trên nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với một số hoạt động văn hóa trong đó chú trọng đến văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh cần hướng dẫn, yêu cầu của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các ban ngành liên quan thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo trong công tác bảo tồn văn hóa nói chung và ca dao, tục ngữ nói riêng.

Ủy ban nhân dân tỉnh sớm chỉ đạo Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tham mưu văn bản về tăng cường công tác quản lý ca dao, tục ngữ nói chung và triết lý trong ca dao, tục ngữ nói riêng một cách cụ thể: nội dung nào đã

làm được, nội dung nào chưa làm được, đề xuất giải pháp cho Ủy ban nhân nhân tỉnh.

Quan tâm bố trí kinh phí để mua sắm trang thiết bị cho thanh tra ngành Văn hoá - Thể thao và Du lịch, nhất là các loại phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật để góp phần bảo tồn và phát triển sâu rộng hơn nữa triết lý ca dao, tục ngữ trong tỉnh.

Chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm của ủy ban nhân nhân các huyện không nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định của tỉnh về bảo tồn và phát triển triết lý trong ca dao, tục ngữ.

Đối với các sở, ngành trong tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cần tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá. Kiên quyết xử lý các cơ sở có trách nhiệm trong việc bảo tồn ca dao, tục ngữ trong tỉnh nếu có hành vi vi phạm.

Ủy ban nhân nhân tỉnh sớm phê duyệt dự án quy hoạch các vùng chưa sưu tầm được các câu ca dao, tục ngữ hoặc các vùng đang có nguy cơ bị mai một, biến dạng về ca dao, tục ngữ. Các vùng đã sưu tầm được cần có chính sách bảo tồn và phát huy giá trị triết lý trong ca dao, tục ngữ.

Đối với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Tiếp tục tuyên truyền ca dao, tục ngữ trên trang mạng xã hội của sở gắn với quảng bá các đặc sản, địa danh du lịch, các hoạt động văn hóa.

Cần quy hoạch lại đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở để phân loại và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể nói chung và ca dao, tục ngữ nói riêng.

Tham mưu và đề nghị Ủy ban nhân nhân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung quyết định về bảo tồn triết lý ca dao, tục ngữ của tỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

Sở văn hóa – Thể thao và Du lịch cần ban hành một số văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị cấp huyện về công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá, thông qua các hoạt động đó lồng ghép triết lý các câu ca dao, tục ngữ. Chỉ có như vậy mới làm sống lại các giá trị triết lý của địa phương.

Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, và các cơ quan chức năng có kế hoạch triển khai công tác điều tra, sưu tầm, đánh giá số lượng các câu ca dao, tục ngữ và làm rõ triết lý trong ca dao, tục ngữ trong tỉnh.

Thường xuyên phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động văn hóa liên quan đến bảo tồn triết lý trong ca dao, tục ngữ.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sưu tầm, bảo tồn ca dao, tục ngữ trong tỉnh.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục tuyên truyền ca dao, tục ngữ trên trang mạng xã hội của sở như đã làm trong thời gian vừa qua. Nhưng cần bổ sung những câu ca dao, tục ngữ mới, khuyến khích đăng các bài bình luận liên quan đến ca dao, tục ngữ.

Khuyến khích các cấp học, các trường lồng ghép triết lý ca dao, tục ngữ trong các bài học môn văn học, giáo dục công dân. Thậm chí ca dao, tục ngữ còn có thể sử dụng để làm rõ tri thức trong các môn học khác: Sinh học, địa lý... Đây không chỉ là làm rõ, làm mềm tri thức các môn học mà quan trọng hơn là góp phần bảo tồn vốn quý của dân tộc, của quê hương. Làm được như trên là chúng ta đã thực hiện một công đôi việc.

KẾT LUẬN

Ca dao, tục ngữ Khánh Hòa đã để lại cho chúng ta một lượng tri thức lớn, một hệ thống triết lý khá phong phú về vũ trụ, nhân sinh và cả mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa tự nhiên - con người - xã hội. Tuy mới chỉ dừng lại ở kinh nghiệm của nhân dân lao động nhưng những gì mà ca dao, tục ngữ Khánh Hòa thể hiện thực sự mang tính khái quát cao và có tính giáo dục sâu sắc, thật đáng để cho chúng ta suy ngẫm, tìm hiểu và nghiên cứu một cách sâu sắc.

Ca dao, tục ngữ Khánh Hòa phản ánh điều kiện tự nhiên, lịch sử đặc thù của một vùng đất Nam Trung bộ. Điều này tạo nên những triết lý đặc sắc riêng biệt của tỉnh Khánh Hòa. Qua nghiên cứu chúng ta phát hiện ra có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ phản ánh được những mặt, những thuộc tính, đôi khi cả tính quy luật của sự vật, hiện tượng. Đó chính là cơ sở, là những tiền đề để các thế hệ sau có những nhận thức chính xác hơn, nhất là trong thời đại khoa học công nghệ mới càng giúp chúng ta kiểm chứng những gì mà ông cha ta đã để lại.

Từ nhận thức đến hành động, qua nghiên cứu triết lý trong ca dao, tục ngữ còn tạo nên ở chúng ta sự lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống, ở khả năng làm thay đổi cuộc sống và khả năng biến đổi, chinh phục tự nhiên phục vụ cho con người.

Ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa từ lâu đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân xứ Trầm Hương và là một trong những động lực nội sinh góp phần phát triển tỉnh nhà. Vì vậy việc nghiên cứu triết lý trong ca dao, tục ngữ tỉnh Khánh Hòa có ý nghĩa to lớn và mang tính thời sự sâu sắc đó là: Góp phần khẳng định những giá trị về văn hóa nhằm kế thừa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống ở, tỉnh Khánh Hòa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hữu Ái và Nguyễn Tấn Hùng (2010), *Triết học*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
2. Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Huyền (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Việt Chương (2007), *Từ điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Nghĩa Dân (2000), *Đạo làm người trong ca dao, tục ngữ Việt Nam*, Nxb Thanh Niên.
5. Nguyễn Nghĩa Dân (2001), *Lòng yêu nước trong văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn.
6. Chu Xuân Diên (1998), *Tục ngữ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Chu Xuân Diên (2000), *Văn hóa dân gian - Máy vấn đề phương pháp luận và thể loại nghiên cứu*, Nxb Giáo dục.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 - Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
10. Lương Viên Hải (2008), “*Văn hóa - triết lý và triết học*”, Tạp chí triết học, số 10, tr.17 - 23.
11. Đào Thanh Hải (2004), *Hệ thống các văn bản hướng dẫn và chỉ đạo về công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới*, Nxb Văn hóa thông tin.

12. Phạm Thị Thúy Hằng (2005), *Những tư tưởng triết học trong truyện kể dân gian Việt Nam*, luận văn cao học.
13. Nguyễn Hùng Hậu (2004), *Triết lý văn hóa Phương Đông*, Nxb Đại học Sư phạm.
14. Lương Thị Lan Huệ (2004), *Một số vấn đề Triết học qua ca dao, tục ngữ Việt Nam*, luận văn cao học.
15. Đỗ Lan Hiền (2005), “*Những nét độc đáo trong tư duy người Việt qua văn học dân gian*”, tạp chí Triết học, số 6 (169), tr.23 - 27.
16. Trần Hoàng (2005), *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Phúc Khánh (1961), *Thử tìm hiểu những yếu tố tư tưởng triết học trong thần thoại Việt Nam*, Luận văn cao học.
18. Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (2002), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
19. Trần Việt Kinh, Nguyễn Chí Trang, Hà nam Tiên(1982) *Thơ ca dân gian Phú Khánh*, Ty văn hóa Phú Khánh.
20. Nguyễn Lâm (2006), *Từ điển và thành ngữ Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Hồ Chí Minh (1996), “*Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*”. Toàn tập, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. V.I Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 29, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

25. C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
28. C.Mác, Ph.Ăngghen và Lênin (1977), *Về văn học và nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
29. Vũ Ngọc Phan (2003), *Tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
30. Lê Chí Quế (2004), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
31. Hồ Sỹ Quý (1998), “*Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý*”, tạp chí Triết học, số 3 (153), tr 56 -59.
32. Vũ Tiên Quỳnh (1998), *Ca dao, tục ngữ*, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh.
33. Quách Tấn (1992), *Xứ Trầm Hương*, Nxb Tổng hợp Khánh Hòa.
34. Hoàng Tiên Tựu (1900), *Văn học dân gian Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
35. Hoàng Tiên Tựu (1992), *Bình giảng ca dao*, Nxb Hà Nội.
36. Từ điển Triết học (1986), Nxb Tiến bộ, Mátxcova
37. Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử triết học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Lê Huy Thực (2005), “*Tiêu chí kiểm định đạo đức qua ca dao, thơ ca dân gian Việt Nam*”, Tạp chí Triết học, số 9 (172)
39. Lê Huy Thực (2005), “*Tiêu chí kiểm định đạo đức con người qua tục ngữ*,

thơ ca dân gian Việt Nam”, Tạp chí Triết học, số 9 (172)

40. Nguyễn Hữu Vui (2004), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
41. Viện khoa học xã hội Việt Nam (2002), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Nxb Khoa học và xã hội.
42. Viện ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
43. Vũ Nhị Xuyên (1995), *Văn học dân gian xứ Huế*, Nxb Thuận Hóa

